

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIÀN VIỆT NAM

HUỲNH VĂN TÔI - PHAN ĐÌNH DŨNG

398.209 597 75

ĐC

TR 527 K

TRUYỆN KỂ
NGƯỜI MẠ Ở ĐỒNG NAI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIÀN VIỆT NAM
HUỲNH VĂN TỚI
PHAN ĐÌNH DŨNG

Truyện kể
NGƯỜI MẠ Ở ĐỒNG NAI



2022/PP/VV 1809

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

**DỰ ÁN CÔNG BỐ, PHỎ BIẾN
TÀI SẢN VĂN HÓA, VĂN NGHỆ DÂN GIAN
VIỆT NAM**

(E1, Ngõ 29, Tạ Quang Bửu - Bách Khoa - Hà Nội
Điện thoại: (04) 3627 6439; Fax: (04) 3627 6440
Email: duandangian@gmail.com)

BAN CHỈ ĐẠO

- | | |
|-------------------------------|-----------------------|
| 1. GS. TSKH. TÔ NGỌC THANH | <i>Trưởng ban</i> |
| 2. ThS. HUỖNH VĨNH ÁI | <i>Phó Trưởng ban</i> |
| 3. GS.TS. NGUYỄN XUÂN KÍNH | <i>Phó Trưởng ban</i> |
| 4. TS. TRẦN HỮU SƠN | <i>Ủy viên</i> |
| 5. Ông NGUYỄN KIÊM | <i>Ủy viên</i> |
| 6. Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG | <i>Ủy viên</i> |
| 7. ThS. VŨ CÔNG HỘI | <i>Ủy viên</i> |
| 8. Nhà giáo NGUYỄN NGỌC QUANG | <i>Ủy viên</i> |
| 9. ThS. ĐOÀN THANH NÔ | <i>Ủy viên</i> |
| 10. Ông TRƯƠNG THANH HÙNG | <i>Ủy viên</i> |

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG DỰ ÁN

ThS. ĐOÀN THANH NÔ

Chịu trách nhiệm nội dung:
GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

Thẩm định nội dung:
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BẢN THẢO

LỜI GIỚI THIỆU

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (VNDGVN) là một tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, nằm trong khối Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Quyết định số 82/NV, ngày 01/03/1967 của Bộ Nội vụ thay mặt Chính phủ đã cho phép Hội Văn nghệ dân gian thành lập và hoạt động trên phạm vi toàn quốc và có mối liên hệ nghề nghiệp với các tổ chức khác ở trong nước và nước ngoài.

Tôn chỉ mục đích của Hội là **“Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy vốn văn hóa - văn nghệ dân gian các tộc người Việt Nam”**. Trên cơ sở thành quả của các công việc trên, Hội là một trong những đội quân chủ lực góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa - văn nghệ mang đậm bản sắc dân tộc đã được ông cha ta sáng tạo và giữ gìn trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc.

Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các tộc người Việt Nam với thiên nhiên thông qua các tri thức sản xuất nông nghiệp; với xã hội thông qua phong tục tập quán, hội xuân; với nhân sinh quan thông qua các nghi lễ vòng đời người; với vũ trụ và thế giới tự nhiên đã được siêu nhiên hóa thông qua các loại hình tín ngưỡng tôn giáo; với lý tưởng thẩm mỹ thông qua các sáng tạo văn học nghệ

thuật. Ở mỗi tộc người Việt Nam, những lĩnh vực và hình thái văn hóa - văn nghệ này lại được thể hiện trong một sắc thái riêng. Chính kho tàng văn hóa đa dạng đó là nội dung, là đối tượng hoạt động của hội viên Hội VNDGVN.

Sau gần 50 năm hoạt động, được sự lãnh đạo của Đảng và sự chăm sóc của Nhà nước, Hội VNDGVN đã lớn mạnh với trên 1.200 hội viên. Số công trình do hội viên của Hội đã hoàn thành lên đến 5000 công trình, hiện đang được lưu giữ và bảo vệ tại Văn phòng Hội.

Được sự quan tâm của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, Dự án “Công bố và phổ biến tài sản văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam” đã được phê duyệt. Trong giai đoạn I (2008 - 2012), Dự án đã xuất bản 1.000 công trình, tác phẩm văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc; Giai đoạn II (2013 - 2017) Dự án sẽ tiếp tục công bố thêm 1.500 công trình nữa.

Hy vọng, các xuất bản phẩm của Dự án sẽ cung cấp cho bạn đọc trong và ngoài nước một bộ sách mang tính chất bách khoa thư về các sắc màu văn hóa của các tộc người Việt Nam, phục vụ thiết thực vào việc tra cứu, mở rộng hiểu biết của bạn đọc về truyền thống văn hóa giàu có và độc đáo đó; góp phần xây dựng nền “văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Dự án mong nhận được ý kiến chỉ bảo kịp thời của bạn đọc gần xa.

Xin chân thành cảm ơn!

Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Dự án

GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh

LỜI MỞ

Đồng Nai là tỉnh có đông thành phần dân tộc cộng cư. Trong đó, cư dân Mạ được xem là một trong bốn cư dân bản địa. Người Mạ có trên 2.000 người, sinh sống trên một số địa bàn của huyện Định Quán và Tân Phú, nhưng tập trung đông đảo nhất và còn thể hiện tính cộng đồng cao là vùng Hiệp Nghĩa (thị trấn Định Quán) và Tà Lài (Tân Phú).

Người Mạ có kho tàng văn hóa dân gian phong phú; trong đó có loại hình truyện kể. Thế nhưng, do không có chữ viết và nhiều yếu tố xã hội tác động, những loại hình văn hóa của họ ngày càng mai một, không được bảo tồn. Loại hình truyện kể của người Mạ ngày càng ít được truyền lại do những người lớn tuổi biết đến ngày càng mất đi. Lớp trẻ người Mạ hiện nay trước những lo toan trong cuộc sống cũng chưa quan tâm đến việc bảo tồn. Trong khi đó, một số chương trình của nhà nước chưa phát huy hiệu quả trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị của nhiều loại hình văn hóa của người Mạ. Đó là một nguy cơ hiển hiện cho thấy truyện kể của người Mạ nếu không được sưu tầm sẽ mất đi hoàn toàn trong một tương lai gần.

Trên tinh thần yêu quý và góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai, nhóm tác giả thực hiện việc sưu tầm văn hóa của người Mạ - loại hình truyện kể với sự tài trợ, giúp đỡ của Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam. Công việc sưu tầm là một quá trình tiếp cận từ nhiều năm qua. Do nhiều lý do, kết quả bước đầu chỉ dừng lại ở số lượng văn bản sưu tầm được không nhiều. Dầu vậy, đây cũng là kết quả đáng khích lệ cho nhóm tác giả tiếp tục từng bước sưu tầm, nghiên cứu về di sản văn hóa của cư dân Mạ.

Thực hiện công trình này, nhóm tác giả chân thành biết ơn những cá nhân đã giúp đỡ trong việc cung cấp tư liệu như bà Ka Bào, bà Ka Rọp, Ka Mách, Ka Mi, Ka Đỗ, Ka Bé, Ka Sờn, Ka Brê, Ka Biết, Ka Bế... và các ông K' Lêl, K'iL... mà một số người này hiện nay không còn nữa. Chúng tôi cũng chân thành biết ơn đến sự hỗ trợ nhiệt tình của các cá nhân như ông K'Chéc, K'Chít, K;Yếu, K'Yếu và cô Ka Rìn đã chuyển ngữ các văn bản truyện kể làm cơ sở cho chúng tôi biên tập. Quả thật, nếu không có sự giúp đỡ của chính những người Mạ này thì đề tài này rất khó khăn để hoàn thành.

Do nhiều yếu tố, nhóm tác giả chưa có điều kiện để đối chiếu những văn bản truyện kể của người Mạ ở Đồng Nai với Lâm Đồng - vì địa bàn có đông đảo người Mạ sinh sống, để có cái nhìn tổng quát hơn. Chúng tôi hy vọng, qua kết quả sưu tầm truyện kể của người Mạ ở Đồng Nai, chỉ ít cũng đóng góp được những văn bản truyện kể trong kho

tàng chung của người Mạ nói riêng, của cộng đồng các dân tộc ở miền Đông Nam Bộ.

Chúng tôi rất mong nhận được những đóng góp chân tình, xây dựng của nhiều người.

Nhóm tác giả

CHƯƠNG I

CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN MẠ TRÊN VÙNG ĐẤT ĐỒNG NAI

1. Tên gọi, dân số và địa bàn cư trú

Người Mạ là cư dân có mặt sớm trên vùng Đồng Nai. Theo các nguồn sử liệu, trước khi lưu dân Việt đến Đồng Nai khẩn hoang lập nghiệp vào thế kỷ XVI, thì người Mạ cùng các nhóm người Châu Ro, Kơ Ho, Stiêng đã từng cư trú và sinh sống. Chính vì vậy, người Mạ và những nhóm cư dân trên được xem là cư dân bản địa/ cư dân gốc, cư dân tại chỗ của vùng Đồng Nai. Tộc người Mạ thuộc nhóm loại hình nhân chủng Anghônêdiêng, về mặt ngôn ngữ, thuộc ngữ hệ Môn - Kơ me, dòng Nam Á, chưa có chữ viết riêng của dân tộc mình.

Người Mạ có nhiều tộc danh để phân biệt từng nhóm người ở các vùng khác nhau như: Mạ Xộp, Mạ Tô, Mạ Blao, Mạ Dagui, Mạ Đạ Đông, Mạ Ngăn, Mạ Kị, Mạ Krung... Ở Đồng Nai, nhóm cộng đồng người Mạ tự nhận tộc danh của mình là: Mạ Krung, Mạ Kị (Hiệp Nghĩa - Định Quán)/

tức là nhóm người Mạ sống ở vùng bình nguyên, phía dưới so với nơi cư trú chính, đông đảo của dân tộc Mạ vùng cao nguyên Lâm Đồng; Mạ RàLài (Tà Lài - Tân Phú) là người Mạ sinh sống vùng Rà Lài. Theo cách lý giải của người Mạ Rà Lài thì do đọc chệch và phiên âm từ Rà Lài mới có địa danh Tà Lài từ thời Pháp duy trì cho đến nay. Trong cộng đồng người Mạ có cách đặt họ cho mỗi thành viên chủ yếu là K' (dành cho đàn ông) và Ka (dành cho phụ nữ); ví dụ như ông K'Lêl, bà Ka Ròp...

Một số nguồn tư liệu cho biết, trên vùng đất Biên Hòa xưa - Đồng Nai ngày nay nói riêng hay cả vùng Đông Nam Bộ nói chung, trước đây đã từng tồn tại một “vương quốc” hay “công quốc” của dân tộc Mạ. Nhiều thông tin từ thư tịch cho thấy, khi ghi chép về vùng Đồng Nai cách đây hàng thế kỷ, các tác giả đã đề cập đến nhóm cộng đồng các dân tộc ít người mà họ gọi là “Mọi”, “Man sách”. Chắc chắn rằng trong nhóm cộng đồng “Mọi”, “Man sách” được nhắc đến ở vùng Đồng Nai có nhóm cư dân Châu Ro, Mạ (Phủ Biên tạp lục của Lê Quý Đôn; Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức; Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn-tập V). Nhiều công trình địa phương chí về vùng Biên Hòa, Long Khánh đầu thế kỷ XX còn liệt kê và chụp ảnh những vùng đất mà người dân tộc thiểu số cư trú, trong đó có đề cập nhóm người Mạ ở vùng núi Chứa Chan (nay thuộc địa phận huyện Xuân Lộc), vùng Gia Canh (thuộc huyện Định Quán)/ Monographic de la Bien Hoa 1901, 1924 và Cochinchine 1931. Từ năm 1971,

nhà nghiên cứu Bình Nguyên Lộc trong công trình đăng tải trên tập san Sử Địa Sài Gòn cho rằng: khu vực Biên Hòa và miền Đông Nam Bộ là địa bàn cư trú của người Châu Mạ. Nhiều học giả đồng thuận với quan điểm này và còn cho biết thêm, ngay cả vùng Sài Gòn xưa cũng thuộc phạm vi không gian văn hóa xã hội của nhóm cư dân Mạ, Châu Ro, Stiêng (Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh - tập I). Về nguồn gốc lịch sử và sự phân bố cư dân bản địa ở Đồng Nai, theo công bố của PGS, PTS Phan Xuân Biên công trình “300 năm hình thành và phát triển Đồng Nai” thì “Xứ Đồng Nai được thành lập cách đây 300 năm bao gồm cả vùng đất Đông Nam Bộ và một phần Nam Tây Nguyên. Nơi đây từ lâu đã là địa bàn cư trú của một bộ phận cư dân Môn - Khơme, mà theo sự xác minh thành phần dân tộc học, đó là các tộc người Mạ, Châu Ro, Stiêng, Mơ Nông, Kơ Ho. Các cộng đồng dân tộc thiểu số này là hạt nhân cơ bản của vương quốc Mạ kéo dài từ vùng trung lưu đến hạ lưu sông Đồng Nai. Sau này, do áp lực của nhiều luồng di dân và do hoàn cảnh lịch sử xã hội vào khoảng thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, người Mạ và các tộc người khác đã lùi dần về phía thượng lưu sông Đồng Nai và vùng miền núi Đông Nam Bộ. Địa bàn tập trung dân tộc Mạ nhiều nhất là vùng Đồng Nai Thượng/ nay thuộc địa bàn của tỉnh Lâm Đồng. Một bộ phận của cư dân Mạ, Châu Ro trong quá trình luân chuyển di cư đã chọn những vùng đất ở Đồng Nai, sinh sống. Cụ thể là vùng đồi núi, ven sông Đồng Nai thuộc địa phận của huyện Định Quán và Tân Phú ngày nay”

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI

SÁCH TẶNG

TRẦN BỬ

Từ các nguồn thư tịch và các công trình nghiên cứu cho thấy: Vùng đất Đồng Nai là địa bàn cư trú của cư dân Mạ cùng với các nhóm cộng đồng thiểu số khác: Châu Ro, Stiêng, Kơ ho từ lâu đời. Do những biến động của lịch sử mà những vùng cư trú của họ bị thay đổi và hiện tại tập trung khá đông ở các huyện Định Quán, Tân Phú.

Hiện nay trên địa bàn Đồng Nai, người Mạ có khoảng trên 2.000 người (đứng hàng thứ 9/ 40 dân tộc). Phần lớn người Mạ tập trung ở hai huyện Tân Phú, Định Quán, có mặt trên 16 xã. Họ sống tập trung đông đảo ở các xã Tà Lài (433 người), Phú Tân (156 người), Phú Bình (85 người) thuộc Tân Phú và ấp Hiệp Nghĩa (722 người) thuộc thị trấn Định Quán. Hai địa bàn Tà Lài, Hiệp Nghĩa có số nhân khẩu đông đảo nhất và tập trung, thể hiện tính cộng đồng khá rõ nét so với các địa bàn khác.

2. Cấu trúc xã hội, gia đình

Trước đây, người Mạ cư trú thành từng làng (bon/ palây) với một khu vực đất đai riêng biệt. Làng là một công xã thị tộc, mọi người trong làng đều có quan hệ huyết thống. Thậm chí làng còn là một công xã gia đình (cả làng là một nhà) hoặc là một làng đại tông tộc (một làng có nhiều nhóm tông tộc). Mỗi làng thường có từ một hay nhiều nhà sàn dài mà trong đó cư trú nhiều thành viên, thế hệ của một dòng họ. Xưa kia, người Mạ theo chế độ mẫu hệ, vai trò người phụ nữ được đánh giá cao trong cộng đồng. Trong cộng đồng, uy thế của vị tộc trưởng được đánh giá cao; trên đó là ban hội của các tộc trưởng có vị già làng chỉ huy.

Ngay từ thời thực dân Pháp xâm chiếm, hội đồng già làng của buôn làng người Mạ không còn duy trì mà thay vào đó là hệ thống chính quyền do nhà nước thực dân lập ra. Những làng người Mạ thường được ghép vào đơn vị tổng, ở đó thực dân Pháp chọn ra một người trong cộng đồng Mạ làm Cai tổng. Đến thời kỳ của chính quyền Sài Gòn, buôn làng người Mạ thực hiện theo qui định của chính quyền đương thời. Đặc biệt, số người Mạ bị dồn ép vào ấp chiến lược, sống tập trung. Một số người Mạ khác thì sống rải rác trong vùng rừng núi, vùng căn cứ kháng chiến cách mạng. Sau ngày đất nước thống nhất, người Mạ được chính quyền địa phương khuyến khích tập trung sống trong các khu định canh, định cư. Cấu trúc gia đình của người Mạ so với trước đã có nhiều thay đổi. Từng hộ gia đình nhỏ được xác lập, vai trò của người đàn ông được coi trọng trong gia đình. Về mặt xã hội, Mạ tuân thủ hiến pháp, pháp luật của nhà nước.

Cấu trúc xã hội và gia đình của người Mạ có nhiều thay đổi. Trong sinh hoạt gia đình, tàn dư chế độ mẫu hệ, cư trú bên vợ còn khá phổ biến. Thời kỳ nửa sau của thế kỷ XX, với sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố, chế độ đại gia đình tan rã, hình thành nên những tiểu gia đình vốn xuất thân là những gia đình hạt nhân, gia đình tế bào trong cấu trúc gia đình trước đây. Cùng với sự phát triển đó, trong sinh hoạt gia đình đã xuất hiện chế độ phụ hệ. Hiện nay, gia đình người Mạ là tế bào độc lập, được cấu kết bởi những thành viên chính chồng vợ và con cái. Con cái trong gia đình khi thành lập gia đình thường tách ra lập hộ gia đình mới. Vì

vậy, khác với trước đây, trong hộ gia đình người Mạ không còn tập trung nhiều thế hệ. Đời sống xã hội của người Mạ tiếp xúc và tiếp biến với văn hóa của các cộng đồng dân tộc khác, chủ yếu là người Việt, có nhiều tác động tích cực đến với cộng đồng họ về nhiều mặt.

3. Đời sống kinh tế

Trước đây, kinh tế nương rẫy đóng vai trò chủ đạo trong đời sống của người Mạ. Sống trong môi trường địa lý vùng rừng núi, sản xuất nông nghiệp mang tính chất tự cung tự cấp và hoàn toàn dựa vào thiên nhiên. Rẫy của người Mạ là rẫy đa canh. Ngoài lúa còn trồng nhiều loại cây khác như bầu, bắp, bí, thuốc lá, bông vải. Năng suất của rẫy tùy thuộc vào loại đất và thời tiết hơn là loại giống. Do kinh nghiệm còn thấp, kỹ thuật canh tác lạc hậu nên thu hoạch mùa màng của họ không cao.

Ngoài việc làm nương rẫy, trồng lúa nước, người Mạ còn khai thác tài nguyên rừng như săn bắt, hái lượm để tăng thêm mức sống cho gia đình. Ngày nay, nghề đi rừng của người Mạ còn duy trì nhưng hạn chế. Người Mạ cũng đã biết đến chăn nuôi gia súc, gia cầm nhưng cũng không phát triển mạnh.

Nghề thủ công như: rèn, đan lát, dệt phát triển trong cộng đồng người Mạ còn duy trì nhưng cũng vì nhiều lý do mà ngày nay không còn nhiều như trước đây. Chỉ có nghề dệt thổ cẩm là còn duy trì và đã trở thành một nguồn thu

nhập đáng kể với người Mạ ở vùng ấp Hiệp Nghĩa/ Định Quán và ấp Tà Lài/ Tân Phú. Trước đây, người Mạ trồng bông, làm thuốc nhuộm, cán bông, kéo sợi... Nói chung, từ khâu nguyên liệu cho đến hoàn thành sản phẩm thổ cẩm là một chu trình khép kín mà họ hoàn toàn tự túc. Người Mạ tạo nên những sản phẩm thổ cẩm rất đẹp với những cách trang trí hoa văn tinh tế, sắc sảo tùy thuộc vào từng loại với mục đích sử dụng. Giờ đây, những công cụ như cán bông, quay tơ, kéo sợi họ không còn dùng đến. Để dệt thổ cẩm, người Mạ chỉ cần mua sợi thương phẩm và dệt thủ công. Thổ cẩm của người Mạ ở vùng Tà Lài, Hiệp Nghĩa cung cấp cho các vùng khác không chỉ ở trong địa bàn Đồng Nai mà còn vươn đến các tỉnh khác, nó không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng trong cộng đồng Mạ mà các cộng đồng dân tộc khác như Châu Ro, Kơho, Stiêng. Thế nhưng, nghề dệt thổ cẩm này đang phát triển tự phát, không có tính chất bền vững. Trong chương trình phát triển kinh tế cộng đồng, nhà nước và các tổ chức đã đầu tư phát triển nhưng không có kế hoạch lâu dài.

Ngày nay, dưới chính sách dân tộc của nhà nước, dân tộc Mạ cũng như các nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi bằng nhiều hình thức để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống. Nhiều hộ dân tộc Mạ được vay vốn phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo một cách thiết thực. Con em người Mạ được đến trường, học hành, văn hóa được đầu tư... Thế nhưng, có nhiều nguyên do mà đời sống kinh tế của họ vẫn còn nhiều khó khăn. Chi

một số ít trong số đông của người Mạ thoát khỏi cảnh đói nghèo. Đời sống kinh tế, xã hội của cư dân Mạ để vượt qua ngưỡng cửa của đói nghèo, nâng cao dân trí, ngoài chính sách hỗ trợ, đầu tư ưu tiên của nhà nước, đòi hỏi một sự nỗ lực không ngừng của chính cộng đồng họ.

4. Phong tục tập quán

Trong hoàn cảnh điều kiện sống hiện nay, một số tập quán của người Mạ không còn được duy trì. Thế nhưng, nó cũng còn những ảnh hưởng khá rõ nét trong đời sống của cộng đồng cư dân Mạ.

Trước đây, người Mạ ở nhà sàn. Trong nhà sàn là sự quần trú của đại gia đình nhiều thế hệ. Sự phân chia chỗ ở cho thành viên được quyết định bởi người chủ gia đình, thường theo thứ tự của đầu nhà phía đông hay phía đầu tiên cho người lớn tuổi. Nhà bếp thường được phía trái cửa ra vào của nhà sàn. Khi bước vào nhà là gian nhà bếp, phòng chung (tụ họp gia đình và đón khách), kế đến là các gian buồng của các thành viên được chia ngăn. Tập quán này ngày nay có nhiều thay đổi.

Trang phục cổ truyền qua một số hình ảnh chụp hồi đầu thế kỷ XX cho thấy người đàn ông Mạ đóng khố, người phụ nữ mặc váy, phần bụng trỏ lên để trần. Để giữ thân vào mùa lạnh, người Mạ thường khoác lên một tấm chăn có lỗ chui đầu. Hiện nay, chỉ có cộng đồng Mạ dệt thổ cẩm có các loại váy, áo chui đầu có tay, dây quần đầu hay buộc

ngang bụng với kiểu dáng hiện đại. Những loại trang phục này có ảnh hưởng yếu tố bên ngoài, chỉ sử dụng trong các dịp lễ hội hay trong các đợt sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Hiện nay đại đa số người Mạ sử dụng loại quần áo với các loại vải giống như người Việt.

Đồ trang sức cổ truyền của người của người Mạ chủ yếu là dây đeo cổ được kết nối bằng những hạt chuỗi nhiều màu sắc; lục lạc, vòng đồng đeo chân, đeo cổ và ngà voi đeo tai. Những loại trang sức này hiện vẫn còn lưu giữ trong cộng đồng nhưng chỉ có các sợi dây và lục lạc là còn phổ biến.

Trong chu kỳ đời người, có những phong tục gắn liền với bản thân hay cộng đồng cư dân Mạ với những thời điểm: sinh đẻ, cưới hỏi, tang ma.

Phụ nữ Mạ khi sinh đẻ có lắm điều kiêng cử. Người u Mạ chọn một góc trong nhà dọn dẹp, ngăn vách cho người phụ nữ sống trong thời gian sinh con. Mọi thành viên trong gia đình đều có nghĩa vụ săn sóc cho người phụ nữ và đứa bé được sinh ra đời. Thời gian ở cữ thường kéo dài từ 7 đến 9 ngày. Trong trường hợp bà mẹ sinh khó, con cái bệnh tật, người nhà thường hái lá cây rừng/ một trong những vị thuốc cổ truyền được cộng đồng dùng từ bao đời, làm thuốc để hỗ trợ, dưỡng bệnh. Cũng có trường hợp cúng bái, thường là do các bà mụ ở buôn làng đảm trách. Sau thời gian ở cữ, người mẹ và đứa trẻ mới được bước đến gian nhà chính.

Đứa trẻ khi được sinh ra, vài ngày sau thường được bà mẹ đem ra suối gần nhà tắm rửa với ý niệm: bệnh tật sẽ trôi theo sông nước, đứa trẻ khỏe mạnh. Trong tuần lễ đầu sau khi sanh, bà mẹ dùng miếng tre nửa mỏng cắt rốn cho đứa trẻ. Khi đứa trẻ bị bệnh, người mẹ bồng con với khúc cây mang theo đến một cái giếng gần nhà nhất, đọc lời khấn cho bệnh tật, ôm yếu của đứa con nhập vào khúc cây thế mạng cho con mình. Rồi quăng khúc cây xuống giếng với lòng tin đứa trẻ lành bệnh. Khi trong nhà có phụ nữ sinh đẻ, người Mẹ để những dấu hiệu cho nhiều người biết như cành cây tươi cắm trước cửa để không có ai quấy rầy cũng như đến trong thời gian ở cữ. Họ rất kiêng kỵ người lạ vào nhà trong thời gian này vì sợ ma quỷ theo khách vào nhà quấy nhiễu đứa trẻ vốn còn non nớt. Khi đặt tên đứa trẻ, người nhà tổ chức lễ cúng tạ bà mẹ và lựa tên, sau đó cúng các thần linh, tổ tiên khấn cầu sự phù hộ, độ mạng cho đứa trẻ mau lớn.

Về hôn nhân, thanh niên Mẹ lớn lên được tự do tìm hiểu, bày tỏ tình cảm qua những lần gặp gỡ, tiếp xúc. Trước đây, khi chọn dâu, rể, các bậc cha mẹ thường đánh giá vào năng lực làm việc, sức khỏe, và đức hạnh. Muốn chọn rể, họ xem công cụ của người con trai như chà gạc, gùi, dao... có bền, chặt bén hay không. Chọn dâu họ xem nhà bếp có ngăn nắp hay cầu thả, dơ dáy và chú ý xem cô gái có bị cộng đồng lên tiếng dèm pha hay không?

Khi đôi trai gái ưng thuận nhau, chàng trai thưa chuyện với cha mẹ, nếu được chấp thuận thì nhà trai nhờ một người

trong họ hàng gần, đứng tuổi làm mai đi dạm hỏi. Khi đến nhà gái, chàng trai mặc chiếc khố tua đò, tay đeo nhiều vòng đồng, tóc cài lược sừng trâu, búi tóc cắm hai lông chim trắng dài. Đến trước nhà gái, chàng trai cắm mũi lao xuống đất, vai vãi vác chà gạc, lưng đeo dao. Khi họ hàng nhà gái ra đón, chàng trai trình bày mục đích nếu được thuận tình chàng trai rút dao bước vào nhà, đến khấn trước các bàn thờ Yang và dặt dao lên mái nhà để đó 7 ngày. Hai gia đình vui mừng tiệc tùng, uống rượu cần vui vẻ. Sau đó, nhà trai đi về, chàng trai ở lại nhà gái tham gia làm lụng ở đây như một thành viên trong gia đình. Tuy chàng trai ở lại nhà gái và được đồng ý nhưng họ không được ngủ chung trong nhà mà phải làm một túp lều ở một khu vườn để sống với nhau. Cô gái trang sức rất đẹp bằng cách đeo nhiều chuỗi vòng, chuỗi hạt cườm hoặc vỏ ốc đẹp, tóc có lược gài và dao cán sừng. Váy mặc được trang trí hoa văn tinh tế, có nhiều tua đò rất đẹp. Hầu hết, mỗi thiếu nữ Mạ chọn hay tự dệt cho mình một chiếc váy thật đẹp chính tay mình thể hiện để mặc trong những ngày trọng đại.

Lễ vật chàng trai đem đến nhà gái: một cái ché, một con gà đã làm thịt, các đồ trang sức như vòng, lược, chuỗi hạt cườm... và các thứ do nhà gái yêu cầu từ trước. Khi tổ chức lễ cưới, chàng trai còn đem đến nhà cô gái nhiều thứ khác như: tiền, gạo, rượu cần, bộ công, trâu hoặc heo... Đám cưới tiến hành bên nhà gái. Thầy cúng trong làng được mời tới tổ chức cúng lễ cho tổ tiên, thần linh và cầu cho đôi vợ chồng trẻ. Người ta mổ trâu, làm heo đãi làng,

ca hát nhảy múa, vui chơi. Thường lễ cưới diễn ra vui vẻ, kéo dài tùy theo kinh tế hai bên gia đình. Đôi vợ chồng trẻ trao vòng tay, cổ, chân cho nhau và cùng ăn gan heo thể hiện lời thề sống với nhau hạnh phúc. Chàng trai phải ở lại nhà vợ. Hình thức này phản ánh tục bắt chồng trước đây và tàn tích của chế độ mẫu hệ. Ở nhà vợ một thời gian khoảng vài năm, nếu người đàn ông muốn đưa vợ ở riêng hoặc về bên nhà mình thì nộp một số lễ vật cho gia đình vợ theo yêu cầu.

Ngày nay, trai gái Mạ cũng được tự do tìm hiểu, nhưng những nghi thức trong lễ cưới cổ truyền không còn được duy trì. Phần lớn, người Mạ tổ chức đám cưới theo những nếp đời sống hiện tại của người Việt và một số theo nghi thức tôn giáo mà những gia đình đang theo. Nhưng một số hình thức cổ truyền vẫn duy trì như mang công chiêng theo trong ngày cưới, trình bày cho dòng họ, tổ tiên...

Chế độ hôn nhân một vợ một chồng được xác lập bền vững trong cư dân Mạ. Người Mạ trong trường hợp con cô con cậu ba đời thì mới được lấy nhau nhưng phải được hai bên cha mẹ đồng thuận. Trước đây, trong xã hội cổ truyền, còn bảo lưu tục “nối dây”, tức người chồng hoặc vợ vì nguyên nhân nào chết trước thì trong gia đình các thành viên được kết nối sống chung thay thế nhưng nay hoàn toàn xóa bỏ. Ngoại tình là một hình thức vi phạm bị xem là phạm luật tục bị phạt nặng do dòng họ, gia đình hay làng phân xử. Thường số lễ vật bị phạt rất nặng nhằm đề cao sự chung thủy cho các đôi vợ chồng. Hình thức ly dị cũng ít

khi xảy ra trong cộng đồng người Mạ. Nếu có xảy ra thì người chủ động trong ly hôn phải nộp lễ vật cho vợ (hoặc chồng) theo sự đòi hỏi của phía bên kia. Người Mạ còn có tục bỏ mã, tức vợ hoặc chồng chết sau ba năm mới được tái giá. Nếu người nào vi phạm trong trường hợp trên sẽ bị phạt gấp đôi lễ thách cưới trước đây.

Về tang ma, khi nhà người Mạ có người thân chết thì gia quyến khóc than, nổi trống chiêng bằng âm thanh bằng âm điệu dành cho ma chay mà dân làng đến viếng, chia sẻ. Những người đàn vào rừng, lễ cúng tìm cây gỗ tốt để đóng hòm. Nếu gia cảnh người chết không có đủ điều kiện thì họ bó xác bằng chăn, chiếu và nẹp tre. Xưa kia, người Mạ thường đóng chiếc hòm dài khoảng 2m, là thân của một cây gỗ được bỏ đôi, khoét lõm 2 phần ở giữa để đặt thi hài. Hình dáng bên ngoài được cấu tạo khá độc đáo, nó vừa mang hình khối của một ngôi nhà dài, lại vừa thể hiện bóng dáng của một con trâu được cách điệu hóa. Đầu quan tài cao, to và thấp nhỏ dần về phía cuối. Phía đầu hai bên sóng ván thiên được gắn một đôi sừng bằng gỗ, phía đuôi gắn một cái đuôi vót bằng tre.

Người chết được gia quyến mặc cho bộ đồ quý nhất. Thi hài được nằm ngửa, đầu gối trên một cái bát để úp, hai tay để chắp trên ngực, chân duỗi thẳng. Hai bàn tay, hai bàn chân được buộc một đoạn dây rừng. Thi hài được quàn trong nhà một khoảng thời gian từ ba đến năm ngày để người thân tỏ lòng tiếc thương.

Nhà người Mạ có người chết, người ta làm thịt gà để cúng tiễn đưa. Họ cúng gà sống rồi làm thịt, lấy máu bôi chân giường, đầu giường, trán, đầu và các ngón chân người chết. Họ quan niệm, con gà sẽ dẫn hồn người chết đi. Những người thân cắt một phần tóc của mình bỏ vào hòm người chết như tỏ ý để qua bên kia có cái để mà lợp nhà ở.

Người Mạ quan niệm người chết là từ già cuộc sống trần gian để qua một thế giới mới khác vì vậy, để họ yên ổn sống ở nơi mới, người còn sống không quên sắm những đồ vật để gửi, chôn theo. Tang chủ thường chia cho người chết một số tài sản trong nhà: công cụ lao động như chà gạc, rìu, gùi; đồ dùng như nồi gốm, bát sành, vỏ trái bầu khô, ché; vũ khí như dao, nỏ, cung, tên, ná... cùng một số đồ trang sức, vật dụng khác. Số tài sản này, một số bỏ chung với thi hài người chết và một số đặt xung quanh mộ hay bỏ rải dọc đường gần khu nghĩa địa. Phần lớn những thứ bỏ trên mặt đất thường bị phá hủy một phần để phân định sự đối lập với tài sản của người đang sống, đồng thời ngăn ngừa kẻ xấu lấy về sử dụng. Nếu nhà có cửa thì tế người chết bằng trâu rồi dựng một chuồng trâu nhỏ để đựng xương con vật đã hiến sinh. Người Mạ còn có tục tẩy rửa nhà sau khi đưa tang. Họ nấu nước sôi có hòa lẫn tiết gà lấy lá cây nhúng vào vẩy lên những người thân, đưa đám để hồn ma người chết không ám ảnh.

Người Mạ còn có quan niệm về chết lành và chết dữ. Chết lành như bị bệnh tật, già yếu, chết dữ là bị tai nạn, bị thú dữ ăn thịt, chết bất ngờ... Theo đó mà họ có những nghi

thức kiêng kỵ, tổ chức tang ma cho phù hợp. Chết lành là tổ chức tang ma trong nhà, chôn ở nghĩa địa của buôn làng. Chết dữ là điềm xấu, mang lại rủi ro nên gia đình, buôn làng tổ chức đơn giản và chôn ở nơi họ bị nạn hoặc nơi khác ngoài nghĩa địa cộng đồng.

Người Mạ có tục mở cửa mã ngày thứ bảy với lễ vật cúng gồm có: bánh giã của gia đình làm, gà vịt, chén cơm. Đó là lần cuối họ thăm lại nơi ở của người chết. Trong thời gian chôn đến lúc mở cửa mã, gia đình có người chết thường ở nhà và không đi đến bất cứ nhà nào, và công việc nương rẫy cũng tạm ngưng lại. Mỗi buôn làng Mạ đều có một khu đất được chọn làm nghĩa địa riêng. Họ xem đây là vùng đất rất linh thiêng, nếu không có việc gì quan trọng thì ít ai đến. Mộ phần người chết người Mạ đắp rất thấp và ít được chăm sóc nên khó phân biệt. Cách nhìn nhận ngôi mộ thường chú ý đến phần chum hoặc ché để ở phía dưới của mộ.

Trong cuộc sống, người Mạ có lắm điều kiêng kỵ, đặc biệt là trước những công việc quan trọng như làm nhà, chọn rẫy, khi làm nhà... Người Mạ còn một số kiêng cử như: không đi gần các tảng đá lớn, vì cho rằng ma quỷ ngự trong các tảng đá sẽ ám vào người. Nhà có người bệnh, họ treo trước nhà cành lá tươi không cho khách vào vì sợ mang thêm bóng vía của bệnh tật. Những con vật như kỳ đà, rắn vào nhà thì rất sợ vì báo trước sự rủi ro. Họ kiêng ăn thịt cọp, thịt chó vì suy nghĩ cọp thì ăn thịt người, chó thì ăn cơm như người. Những kiêng cử này ngày nay hầu

như người Mạ không còn giữ nữa nhưng trong đời sống tinh thần, tàn dư của nó vẫn còn chi phối ít nhiều đến cách suy nghĩ của họ.

Những tập tục, nghi lễ của dân tộc Mạ ở Đồng Nai ngày càng được cải biến dần trong quan hệ giao lưu tiếp biến với cộng đồng dân tộc anh em; đặc biệt sự ảnh hưởng của văn hóa người Việt và nghi lễ của các tôn giáo. Những hủ tục lạc hậu bị loại bỏ dần để tiếp thu cái mới. Vì vậy, một số những tập quán được nêu trên chỉ còn lưu lại trong ký ức. Ngoài ra, họ còn có nhiều tập quán, kiêng kỵ khác. Nó thể hiện phản ánh sự nhận thức của họ đối với cuộc sống. Trên một bình diện, những yếu tố, những phong tục, tập quán này vẫn còn tác động, ảnh hưởng nhất định đến đời sống sinh hoạt xã hội của cộng đồng cư dân Mạ cho đến ngày nay.

5. Tín ngưỡng - Lễ hội

Tín ngưỡng nguyên thủy của dân tộc Mạ là thờ đa thần với quan niệm mọi vật đều có linh hồn. Vì vậy, họ thần rất nhiều thần, các hiện tượng thiên nhiên thường xảy ra mà chính cộng đồng, bản thân họ không lý giải được. Đây cũng chính là quan niệm, tín ngưỡng chung của các cộng đồng cư dân bản địa ở Đồng Nai.

Người Mạ tin vào một thế giới siêu hình tồn tại song song với thế giới thực tại mà họ đang sống. Thế giới siêu hình đó là nơi tồn tại, ngự trị của các thần linh (đại diện

cho cái thiện) và có cả ma quỷ (đại diện cho cái ác), có khả năng chi phối đến đời sống con người.

Hệ thống thần linh người Mạ thờ rất đa dạng. Nhưng có một vị thần mà họ xem là tối thượng trên tất cả các thần linh khác là Yang N'du (Thần N'du). Vị thần vô hình này có tài năng siêu phàm đóng vai trò quan trọng nhất trong tất cả các thần linh. Vì vậy, bất kỳ lễ cúng nào, để tôn trọng và biết ơn, người Mạ đọc lời khấn Thần N'du trước và mời về dự chứng giám. Cư dân Mạ tin rằng chính Thần N'du đã tạo nên cả thế giới rộng lớn. Tổ tiên người Mạ do Thần N'du dựng nên, giúp đỡ và duy trì nòi giống cho đến ngày nay. Nhờ Thần N'du mà tổ tiên người Mạ biết làm rẫy, săn thú, dệt vải, đặt ra các lễ thói mà họ truyền giữ từ bao thế hệ đi qua đến nay.

Dưới Thần N'du là hàng loạt các vị thần khác như: Thần Lúa (Yang Kôi), thần Rừng (Yang Bri), thần Nước (Yang Dah), thần Núi (Yang Bơnm), thần Nhà (Yang Hiu), thần Đá (Yang Luh)... Một số sử liệu khác cho thấy người Mạ còn thờ thần Lửa nhưng qua khảo sát tại Đồng Nai, cư dân Châu Mạ ở đây không thờ từ xưa đến giờ. Họ quan niệm, lửa để dùng, không là đối tượng được thờ. Bao trùm lên hệ thống thần linh được thờ trong tín ngưỡng người Mạ là các vị thần có liên quan đến nông nghiệp. Các vị thần này được tổ chức lễ cúng mỗi khi người Mạ tiến hành công việc khai nương, phát rẫy, trồng trọt hay sau vụ mùa thu hoạch trong chu kỳ sản xuất.

Xuất phát từ quan niệm các thần linh có mặt khắp nơi, chi phối đến đời sống con người nên người Mạ tổ chức lễ cúng rất nhiều. Khi đau ốm, bệnh tật, đi rừng, ma chay... người Mạ tổ chức cúng các vị thần liên quan cụ thể. Chẳng hạn, khi đi săn thì cúng thần Rừng (Yang Bri) cầu cho việc bắt được nhiều thú rừng, không bị thú dữ làm hại; khi làm nhà cúng thần Nhà (Yang Hiu) mong nhà cửa yên ổn, phù hộ không bệnh tật, nợ nần... Lễ vật cúng trong các buổi lễ đơn giản và tùy thuộc điều kiện của mỗi gia đình. Thường các lễ vật người hay dùng: Thịt gà, rượu, gạo, đèn sáp (lấy từ tổ ong). Khi gia chủ cúng thì đọc lời khấn (hoặc thầy cúng) đến các vị thần linh cụ thể để kêu cầu phụ trợ, giúp đỡ.

Trong năm, người Mạ có nhiều lễ cúng. Quan trọng nhất là lễ cúng thần Núi (Yang Bom) và thần Lúa (Yang Kòi) với sự tham gia đông đảo của cộng đồng. Lễ cúng Thần núi thường được tổ chức cúng vào cuối năm. Một ngọn núi được xem là linh thiêng là nơi thần linh ngự trị sẽ được chọn để làm lễ. Mọi nhà trong làng góp các lễ vật và người có uy tín trong cộng đồng cử hành lễ. Họ trình các lễ vật, đọc lời khấn, tạ ơn thần rừng đã giúp đỡ thời gian qua và mong được gia thêm sự phù hộ cho thời gian tới, cầu xin phúc đến họa trừ cho buôn làng khi đi rừng săn bắt... Tại ấp Hiệp Nghĩa, Định Quán, trước đây người Mạ thường tổ chức cúng Thần rừng dưới chân núi Dang Kear - một ngọn núi có nhiều cây nứa.

Lễ cúng Thần Lúa là lễ lớn nhất trong năm. Thời gian cúng thường được tổ chức vào tháng hai đến tháng ba âm lịch, khi mà người Mạ đã thu hoạch xong mùa màng. Trước đây, lễ cúng thường được hành lễ trước khoảng sân của nhà dài cộng đồng. Để tổ chức lễ cúng, đàn ông Mạ vào rừng chặt cây tre cao, thẳng và một số cây gỗ khác về để hành lễ. Họ dựng khoảng ba cây nêu trước khoảng sân theo hình tam giác. Cây nêu lớn dùng để cột trâu, cây nêu vừa cột bò, cây nêu nhỏ cột dê hoặc heo. Lễ hội này còn gọi là lễ Ăn trâu, vì có tục đâm trâu để thực hiện nghi thức đầu tiên của buổi cúng và chia thịt trâu cho cộng đồng cùng ăn. Trước đây, lễ thường kéo dài nhiều ngày, nhiều đêm nhưng ngày nay rất ít được tổ chức.

Trên các cây nêu, người Mạ chia làm nhiều bậc để trang trí. Theo họ quan niệm, cây nêu phân trên hướng thẳng lên trời tượng trưng cho thần linh, phía giữa là tổ tiên và dưới gốc là của con người trong thực tại. Trên các cây nêu, họ tạo những bông tre xoắn thành chùm tượng trưng cho bông lúa lớn cầu mong cho mùa màng tốt tươi, lúa nhiều hạt. Hai màu xanh đỏ được dùng chủ yếu trong cách trang trí mà theo họ màu đỏ là huyết con vật được hiến sinh để báo cho thần linh biết cộng đồng họ luôn cúng tế, màu xanh cầu mong cho mùa màng xanh tươi. Từ những cây nêu được buộc thêm những dây sợi dài tỏa xuống của tua hình cây chĩa ba cạnh và buộc ngang bởi thanh tre vót khắc họa hình sừng trâu hoặc sừng dê. Trên các dây được lồng vào các ông sáo trúc, vừa thể hiện bông lúa vừa tạo âm thanh khi sáo thổi.

Dưới gốc cây nêu thường để những ché rượu cần mà mỗi nhà người Mạ làm đem đến. Lễ đâm trâu thường được tiến hành vào buổi xế chiều. Cộng đồng người Mạ khi tổ chức thường mời các buôn làng khác đến dự. Nghi thức tiếp đón bằng cách già làng đem rượu trong ống tre (cây tre được trang trí sắc sỡ, gắn thêm nhiều hình vẽ về lông chim, đầu trâu) ra ngoài cổng mời khách. Đoàn khách vừa đi đến vừa đánh cồng chiêng. Khi mời rượu xong tất cả các thành viên khách buôn làng khác, tất cả vào khoảng sân nhà dài. Già làng đọc lời cúng trong bàn thờ ở nhà dài và làm nghi thức tẩy uế bằng cánh phun rượu vào các con dao, chày gạc dùng để đâm trâu. Những người có uy tín trong cộng đồng, khoảng ba người được chọn để đâm trâu. Trong khi đoàn người đi xung quanh các cây nêu hát múa thì những người đâm trâu lựa thế dòn trâu vào để đâm cho trâu nhanh chết. Khi đâm trâu, bò và heo (hoặc dê) xong họ xẻ thịt ngay và nướng trên đồng lửa được đốt sẵn, rồi chia cho cộng đồng tham gia ăn, uống rượu cần. Trong buổi lễ, các thanh niên nam nữ Mạ vui múa, nhảy hát, các người già thì tập trung uống rượu cần và hát kể cho nhau nghe về cộng đồng của mình. Cồng chiêng được đánh cho tới tận đêm suốt sáng. So với trước đây, lễ cúng thần Lúa (Yang Kòi) của người Mạ ở Đồng Nai ngày nay có nhiều sự giản lược nhưng khi được tổ chức, những nghi thức, lễ vật, tiến trình đúng nghĩa của lễ hội vẫn được bảo lưu. Lễ hội này luôn được tôn trọng trong đời sống tâm linh của cư dân Mạ, vì theo họ, vị thần Lúa liên quan trực tiếp đến chính đời sống của cộng đồng, bản thân của họ nhất.

6. Văn hoá nghệ thuật

Cư dân Mạ là cư dân bản địa, có kho tàng văn hóa rất phong phú và sống động. Vốn quý văn hóa người Mạ đã góp phần làm phong phú thêm văn hóa Đồng Nai trong bối cảnh chung của khu vực, của quốc gia trong tính đa dạng, thống nhất.

Các công trình nghiên cứu cho thấy, cư dân Mạ còn bảo lưu nhiều truyện cổ, thần thoại, truyền thuyết gắn liền với lịch sử của dân tộc mình; phản ánh sự nhận thức của họ về vũ trụ, thế giới, thần linh, nguồn gốc, những cuộc đấu tranh của cộng đồng qua bao thời kỳ lịch sử. Cộng đồng Mạ có đời sống văn hoá tinh thần phong phú, thể hiện qua tín ngưỡng, lễ hội mà trong đó nhiều thể loại văn hoá dân gian, văn hoá nghệ thuật khá độc đáo nhưng hiện nay đang dần bị mai một nghiêm trọng do nhiều yếu tố tác động.

Vì không có chữ viết nên văn chương truyền miệng của người Mạ được lưu truyền chắc chắn có nhiều thay đổi, biến đổi trong nội dung, tình tiết. Trên hướng phát triển chung của xã hội, những sự biến đổi hay thay đổi như thế là không tránh khỏi, làm mất yếu tố định hình gốc nhưng ở một bình diện khác nó làm cho vốn văn hoá dân gian này đa dạng hơn, phong phú hơn và thể hiện cách nhìn phù hợp trong điều kiện xã hội cụ thể mà cộng đồng dân cư trải qua và hướng đến.

Văn chương truyền miệng của người Mạ phong phú về nội dung và đa dạng trong cách thể hiện. Người kể chuyện theo kể nhớ về chuyện xưa như lời tự thuật, kể cho đối

tượng khác nghe và lời kể nghe có những chuyện mà người kể như hoá thân vào nhân vật. Lời kể và lời kể có vần điệu mà chúng ta có thể tạm gọi là lời hát kể xuất hiện trong cộng đồng người Mạ. Lời hát kể khi có hai người thể hiện là một trong những thức thể hiện dạng Tăm pót. Ở đây, cần có sự phân biệt là Tăm pót là một trong những lời hát kể nhưng truyện kể thì không phải là Tăm pót.

Văn chương truyền miệng của người Mạ phong phú về nội dung như giải thích hiện tượng thiên nhiên, phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, nguồn gốc các loài, đề cập những yếu tố xã hội, lịch sử, có không gian, thời gian được định hình hay phiếm chỉ... vv... Trong truyện kể của cộng đồng Mạ có những truyện kể đề cập nhiều vấn đề và cũng có những truyện kể chỉ đề cập một vấn đề. Vì vậy, nội dung chuyện có chuyện khá dài, có chuyện rất ngắn. Truyện kể không tuân theo “quy ước” chuẩn mà có cách thể hiện riêng. Có chuyện dẫn giải rất nhiều chi tiết cũng có chuyện ít chi tiết, trực tiếp hay gián tiếp đi vào nội dung thể hiện. Chính điều này tạo nên sự cuốn hút cho đối tượng nghe. Mỗi truyện kể của tộc người khác nhau có những đặc điểm riêng. Trong quá trình hình thành, phát triển và sự giao thoa của nhiều luồng văn hoá qua các thời kỳ của các tộc người thì những tác động về kinh tế, xã hội là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, nguồn văn hoá dân gian của cộng đồng Mạ mà trong đó có loại hình truyện kể cũng không tránh khỏi sự ảnh hưởng qua lại với nhau bởi

vì họ cùng chung môi trường tự nhiên, xã hội. Điều này thể hiện qua các tình tiết chuyện, theo mô típ chung ở một số truyện kể.

Nghệ thuật tạo hình của người Mạ thể hiện trên những kiến trúc nhà sàn ngày nay có nhiều thay đổi. Theo một số tài liệu nghiên cứu trước đây, cho thấy nhà sàn là kiến trúc chung của cộng đồng, dòng tộc. Kiến trúc nhà sàn thể hiện kiểu thức hình chữ nhật, mái gập theo tạo nóc bởi đòn dông chính, hai vách nhà sàn nghiêng chỏi ra. Thế nhưng, trong lối kiến trúc những nhà sàn hiện tại có những yếu tố mới mà đặc trưng là theo kiểu kiến trúc nhà Việt.

Các cây nêu trong lễ hội có nhiều biểu trưng cho nghệ thuật tạo hình của người Châu Mạ. Những hình tượng biểu trưng chủ yếu là hình tròn, hình chữ nhật, hình thoi. Những mô típ trang trí theo phác hoạ hình tượng nhưng con thú dùng hiển tế như dê, trâu (đầu hay cặp sừng). Những mô típ xoắn thể hiện trong hoa văn cây nêu và tua của bông cây nêu tượng trưng cho bông lúa, cho sự sinh sôi nảy nở. Màu sắc chủ đạo trong tạo hình thường gặp là đen, trắng, vàng, đỏ và chúng được phối tương phản nhau.

Trên sản phẩm thổ cẩm (váy, mền, khố, túi...), những mô típ hoa văn được tạo hình thường gặp là con người, chày cối, con bướm, con khỉ, cây đèn, công nghiệp mắt, chim chóc... được thể hiện cách điệu với những ý nghĩa của nó. Với hình dáng con người là biểu hiện sức mạnh và toàn quyền trên của cải; con mắt biểu trưng cho sự sáng

suốt tinh thông và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên, con người; con bướm là lời cầu khẩn nhanh đến với thần linh; cái cối thể hiện đức tính siêng năng của người phụ nữ; cây đèn biểu trưng cho niềm vui trong lễ hội... Bên cạnh các hình tượng đó là các hình học mà chủ đạo là hình thoi nối liền, đan xen nhau. Mỗi kiểu hoa văn đều hàm chứa những ý nghĩa riêng theo quan niệm của người Mạ. Nó vừa thể hiện chức năng trang trí đồng thời là tư duy liên quan đến ý niệm, cách nhìn của người Mạ đối với thế giới tự nhiên, xã hội con người.

Loại hình nghệ thuật hát, múa, nhạc của người Mạ thường được kết hợp thể hiện trong những lễ hội cộng đồng và được lưu truyền qua truyền miệng (hát), thực tiễn hoạt động lễ hội (múa) và trong các sinh hoạt thường ngày. Thế nhưng, lễ hội ngày càng được ít tổ chức, những nhạc cụ thì không còn lưu giữ và vì thế, chính cộng đồng Châu Mạ cũng không có nhiều cơ hội để hưởng thụ, nhận biết. Những người lớn tuổi thì ngày càng ít đi trong khi lớp trẻ không có ý thức giữ gìn những vốn quý văn hoá này hoặc có muốn thì cũng khó khăn về việc truyền dạy.

Về hát, hầu hết những bài hát của dân tộc Mạ chỉ còn một số ít người lớn tuổi còn nhớ. Người Châu Mạ hát khi ru con, khi đi làm rẫy và thể hiện nhiều nhất là trong các dịp lễ hội. Lời hát của các cộng đồng Châu Ro, Mạ rất mộc mạc, nó phản ánh nhịp sống của cộng đồng trong các sinh hoạt thường nhật.

Nghệ thuật biểu diễn múa có thể nói hầu như kém phát triển hay đã phai lạt nhiều trong đời sống cộng đồng. Trong lễ hội các phụ nữ lớn tuổi hay thanh nữ thường hay múa tập thể. Những động tác múa theo nhịp công chiêng, đi vòng tròn quanh đồng lửa hay cây nêu. Người Mạ sử dụng toàn thân cho động tác múa nhưng những nhịp múa chủ yếu từ đôi tay và chân. Tất cả động tác lấy thân làm trục chính và thể hiện nét tạo hình qua hai bên và theo hướng lên xuống. Sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố giao lưu văn hoá, tôn giáo trong chừng mực nào đó đã tác động mạnh đến những điệu múa truyền thống của người Mạ. Thực tế, những bài múa mà chúng ta thường gặp trong các đội múa của người Mạ biểu diễn hầu như có những sự pha trộn các yếu tố ngoại lai qua một quy trình “biên đạo”.

Một số nhạc khí cụ người Mạ hay sử dụng và hiện nay còn phổ biến là bộ công (6 chiếc), chiêng (7 chiếc), đàn tre, kèn bầu, kèn môi, kèn lúa. Bộ công, chiêng và các nhạc khí cụ đều được sử dụng trong các dịp lễ hội. Bộ chiêng được treo lên và người đánh có thể trong tư thế đứng hay ngồi thực hiện. Bộ đồng la thì được người sử dụng làm dây đeo vào vai, đánh trong tư thế đứng khom người và bước đi, một tay đánh và một tay giữ âm nhịp. Tùy theo nội dung của lễ cúng mà người Mạ thực hiện những bài phối đánh phù hợp với hoàn cảnh. Những loại nhạc cụ như kèn lúa, kèn môi, kèn bầu, đàn tre hiện nay rất ít người sử dụng được. Kèn lúa dùng thể hiện tình yêu nam nữ, kèn môi

chúc an chúc phúc; đàn tre, kèn bầu cho sinh hoạt hát múa cộng đồng.

Kể từ ngày đất nước thống nhất, cộng đồng Mạ nói chung và đời sống văn hoá nghệ thuật nói riêng được nhà nước quan tâm phát triển. Những thành viên của cộng đồng Mạ đã có nhiều đóng góp trong đời sống tinh thần của cộng đồng, địa phương. Loại hình hát múa bà con dân tộc Mạ như Ka Rin và đội múa Mạ ở vùng Tà Lài, huyện Tân Phú từng tham dự nhiều cuộc thi, hội diễn, đoạt nhiều giải thưởng, bằng khen. Thế nhưng, những khó khăn về đời sống kinh tế, biến động của xã hội và đặc biệt do không có chữ viết, nên những vốn quý về văn hoá, nghệ thuật của người Mạ có nguy cơ bị mai một.

CHƯƠNG II

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU TRUYỆN KỂ MẠ

1. Tổng quan truyện kể Mạ

Trong quá trình điền dã sưu tầm tư liệu truyện kể của cư dân Mạ từ nhiều nguồn trên địa bàn Đồng Nai chúng tôi đã thu thập gần 35 văn bản tư liệu. Những địa bàn chủ yếu được tập trung sưu tầm là vùng người Châu Mạ ấp Hiệp Nghĩa huyện Định Quán, vùng Tà Lài huyện Tân Phú. Nói như vậy để thấy rõ rằng vốn văn hoá dân gian này vẫn chưa được khai thác hết trên bình diện rộng của các nhóm dân cư của cộng đồng Mạ. Điều đó, có nhiều yếu tố tác động từ chủ quan và khách quan. Dẫu vậy, với số lượng truyện kể sưu tầm được, chúng tôi dựa trên các văn bản tư liệu này để nêu lên những nội dung mà truyện kể cư dân Mạ thể hiện qua một góc nhìn, cách tiếp cận riêng.

Vì không có chữ viết nên truyện kể của người Mạ được lưu truyền qua bao thế hệ bằng truyền miệng. Lịch sử của truyện kể lâu đời nhưng qua các thế hệ với nguyên do nêu trên chắc chắn có nhiều biến đổi trong một số nội dung, tình tiết hay có những văn bản gọi là “dị bản”. Trên hướng

phát triển chung của xã hội, những sự biến đổi hay thay đổi như thế là không tránh khỏi, làm mất yếu tố định hình gốc nhưng ở một bình diện khác nó làm cho vốn văn hoá dân gian này đa dạng hơn, phong phú hơn và thể hiện cách nhìn phù hợp trong điều kiện xã hội cụ thể mà cộng đồng dân cư trải qua và hướng đến.

Truyện kể Mạ phong phú về nội dung và đa dạng trong cách thể hiện. Ở đây, chúng tôi xem các văn bản tư liệu với định dạng cách gọi chung là truyện kể như tên đề tài đã đặt ra. Đề cập như vậy vì truyện kể Mạ có nhiều hình thức thể hiện. Người kể chuyện theo kể nhớ về chuyện xưa như lời tự thuật, kể cho đối tượng khác nghe và lời kể nghe có những chuyện mà người kể như hoá thân vào nhân vật. Ví dụ, trong một chuyện có nhiều nhân vật đối đáp nhau, thì người kể phải nói theo như nhân vật. Ở đây không chỉ thể hiện trí nhớ của người nghệ nhân mà còn ở nghệ thuật diễn kể. Người kể chuyện đôi lúc phải đóng vai nhân vật với những lời lẽ cao thấp, lên xuống theo sắc thái tình cảm của nhân vật trong nội dung truyện kể. Ngoài ra, người Mạ có lối kể mà những từ ngữ được dùng có vần điệu mà nhiều người cho rằng đó là lối hát kể. Lối hát kể của người Mạ mà có hai người thể hiện là một trong những thức thể hiện dạng Tăm pót. Tăm pót là dạng hát giao duyên, đối đáp với nhau. Nội dung trong lối hát Tăm pót cũng đa dạng. Ở đây, cần có sự phân biệt là Tăm pót là một trong những lối hát kể nhưng truyện kể thì không phải là Tăm pót. Dễ thường, chúng ta lẫn lộn về điều này.

Truyện kể của người Mạ phong phú về nội dung như giải thích hiện tượng thiên nhiên, phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, nguồn gốc các loài, đề cập những yếu tố xã hội, lịch sử, mối quan hệ... Không gian, thời gian trong truyện kể Mạ thường được dùng những từ ngữ phiếm chỉ về thời gian như “ngày xưa, lúc đó, lúc ấy, thuở lâu lắm rồi, thuở mới ban đầu...”.

Trong truyện kể của cộng đồng Mạ có những truyện kể đề cập nhiều vấn đề và cũng có những truyện kể chỉ đề cập một vấn đề. Vì vậy, nội dung chuyện có chuyện khá dài, có chuyện rất ngắn. Truyện kể không tuân theo “quy ước” chuẩn nào mà có cách thể hiện riêng. Có chuyện dẫn giải rất nhiều chi tiết cũng có chuyện ít chi tiết, trực tiếp hay hay gián tiếp đi vào nội dung thể hiện. Chính điều này tạo nên sự cuốn hút cho đối tượng nghe. Tên câu chuyện được nêu lên với những chi tiết, tình tiết chuyện có tính đặc trưng, lý thú để minh họa.

Mỗi truyện kể của tộc người khác nhau có những đặc điểm riêng. Thế nhưng trong quá trình hình thành, phát triển và sự giao thoa của nhiều luồng văn hoá qua các thời kỳ của các tộc người thì những tác động về kinh tế, xã hội là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, nguồn văn hoá dân gian của cộng đồng Mạ mà trong đó có loại hình truyện kể cũng không tránh khỏi sự ảnh hưởng qua lại với nhau ở một số yếu tố. Điều này thể hiện qua các tình tiết chuyện, theo mô típ chung ở một số truyện kể khi có những đối sánh với truyện kể các dân tộc khác.

Trong truyện kể nói chung của tộc người, các nhà nghiên cứu đã có những cách thức phân loại truyện kể trên nhiều yếu tố được xác định như: nội dung, cách thể hiện, thời gian... và hình thành trong tập hợp của những đặc điểm để phân loại nhưng điều này không hoàn toàn là “chuẩn chung”. Chúng tôi thiết nghĩ, những dạng quy chiếu ấy là quan trọng để nghiên cứu nhưng không thể đem áp dụng tất cả vào các truyện kể mà không tính đến yếu tố tộc người. Trong tư liệu truyện kể Mạ suu tầm được, bước đầu tìm hiểu, chúng tôi thấy có các hình thức thể loại như thần thoại, truyền thuyết, cổ tích. Nhưng chúng cũng khó có thể phân biệt được rạch ròi với nhau. Qua hình thức truyện kể được truyền lại qua bao đời nay, bằng truyền miệng, người Mạ thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận của họ đối với thế giới tự nhiên, đối với cộng đồng. Và cũng vì nhiều lẽ khác, chúng tôi chỉ bước đầu đề cập có tính chất tổng thuật lại những nội dung mà truyện kể Mạ suu tầm. Việc đi đến những kết luận cần phải có thời gian nghiên cứu chuyên sâu.

2. Nội dung truyện kể thể hiện

2.1. Lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội

Một số truyện kể Mạ đề cập và lý giải về hiện tượng thiên nhiên, xã hội. Về nguồn gốc tạo thành vũ trụ, truyện kể của người Mạ có những cách giải thích rất độc đáo.

Truyện kể “*Thần K’Boong làn nên trái đất*” của người Mạ gắn liền với hệ thống thần linh mà cụ thể là Thần

K'Boong và cách sáng tạo có tính chất “huyền bí” để tạo nên thế gian. Thần K'Boong đem về dấu hiệu đầu tiên của sự sống như “một trái bầu, một chiếc gùi nhỏ, một chiếc gùi lớn, một chiếc gùi dài” và dùng tài năng, phép thuật để tạo nên trái đất theo từng công việc cụ thể. Như vậy, trong trái bầu và ba cái gùi chứa đựng những yếu tố để dựng nên nên thế gian và sự sống của loài người. K'Boong dùng người khổng lồ I - út ngăn trời và đất riêng ra, dùng con lươn sắp lại các ao, đầm, con heo rừng làm thành các đồi, con gà tạo thành thung lũng; con rắn NaK Grai làm thành dòng thác nước. Những loại cây cối, thú vật từ trong những chiếc gùi theo lệnh của thần K'Boong xuất hiện và các con của thần linh đã làm cho những thứ ấy sinh sôi, nảy nở trên khắp thế gian. Ấn trong câu chuyện những yếu tố thần linh nhưng chi tiết cụ thể cho ta thấy yếu tố chính vẫn thuộc về con người. Cụ thể là buổi đầu thần linh khi khai thiên lập địa lại dùng những vật dụng mà người Mạ thường dùng trong cuộc sống hằng ngày.

“*Chuyện về lửa*” thì cho rằng thần Rdeon con của thần Mặt trời dạy cho người Châu Mạ cách giữ lửa của Mặt trời bằng cách lấy lửa ở đá và xơ của vỏ cây đánh vào nhau. Người khổng lồ I-ut thổi hơi vào đá, thần N'Đuu làm cho vỏ cây khô có cảm giác và các thần linh dạy cho con người biết suy nghĩ để tạo nên sự kết hợp giữa hai thứ này lại với nhau. Để duy trì lửa (trong đời sống của nhân loại, sự phát hiện ra lửa có tính chất quan trọng như một bước ngoặt cho sự sinh tồn, phát triển) thì người Mạ cho rằng “nếu lửa thiếu ăn thì trồng cây tre, trồng cây lau, phải dọn rừng,

chặt cây cho lửa ăn. Phải cho lửa ăn cả rừng thưa và đồng cỏ lớn. Lửa làm cho những con mối trong đất cọ quây, làm nứt các phiến đá, làm nứt các ché trong nhà sàn. Nội dung chuyện rất ngắn nhưng hàm chứa sự thông minh của con người về nhìn nhận hiện tượng xảy ra trong môi trường tự nhiên để đúc kết những kinh nghiệm quý báu cho cộng đồng. Yếu tố thần linh được xác định ngay từ đầu nhưng yếu tố chính vẫn là sự nhận biết của con người. Một ẩn dụ nói về sức mạnh của con người.

Về các dòng họ khác nhau thì người u Mạ họ đều cùng nguồn gốc của hai tổ Paang Kha và Paang Khem được đề cập trong chuyện *“Sự tích về tổ tiên các dòng họ”*. Với cách lý giải nguồn gốc từ các bụi cây các tổ tiên chui ra nhưng qua đó cho thấy là sự sáng thế vũ trụ đều quy về các thần mà cây cối được dùng biểu tượng cho sự sống, sự sinh sôi nảy nở. Trong chuyện đề cập tập tục hôn nhân “quần hôn” của người Châu Mạ cổ xưa: “Rồi trong thuở ban đầu chung sống với nhau, các tổ Paang lấy làm vợ chồng giữa các anh em trai và chị em gái. Những đam mê tình yêu dữ dội đã làm Biit và Rling chui ra. Rồi những nhánh người khác do thần K’boong sinh ra như Doot và Doi. Họ giao hợp với nhau rồi sinh con đẻ cái. Cũng như thác và sông, anh trai và em gái lấy nhau. Paang Riing và em gái là Nham kết hợp thành vợ chồng”.

Khi lý giải về người Mạ sống ở vùng rừng núi thì người Mạ cho rằng xuất phát từ *“Sự tích nạn mưa lụt”*. Đây là một trong những nội dung chuyện mà các tộc người trên

thế giới dùng để nói về nạn hồng thủy trong lịch sử của nhân loại như chuyện cổ “Con tàu Nô - ê” của người Do Thái hay vùng Trung Đông. Nguồn gốc của nạn hồng thủy mà người Mạ gánh chịu do từ một cô gái với hành động khiêu khích thần linh: “Do không có nắng phơi lúa nên cô gái tóc vấy đưa âm hộ cho trời xem và khiêu khích. Hành động này bị phạt với 7 năm hạn hán và 7 năm hồng thủy”. Khi nước rút, các bè mảng của người Mạ trôi đi tứ tung và tấp vào các vùng đồi núi nên từ đó họ sống các vùng rừng núi.

Một số nội dung truyện kể của người Mạ đề cập và giải thích về hiện tượng tự nhiên, xã hội. Có những truyện kể đi thẳng vào hiện tượng để giải thích nhưng cũng có chuyện qua diễn biến của nội dung để đi đến kết luận sau cùng. Ở đây, chúng ta không bàn đến sự “lý giải” đó như thế nào mà nhìn nhận cách nhìn của người Mạ về sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội để giải thích vấn đề theo cách nghĩ của cộng đồng.

2.2. Lý giải về địa danh

Trong truyện kể người Mạ có 2 bản nói về địa danh hiện nay còn hiện hữu. Một là “*sự tích Đá Bàn*” và “*Sự tích Thác Bén Cự*”. Địa điểm Đá Bàn hiện nay nằm trong địa phận của Lâm trường Tân Phú. Nơi đây còn những hòn đá nằm rải rác trên bờ của một con suối. Trên những hòn đá có in những vết tích của bàn tay khổng lồ - gắn liền với chuyện tích về một buổi chiều tối khi dân làng đang chia

thịt thú rừng. Bỗng nhiên trời sụp tối và trời như sập đè lên mặt đất. Trong cơn nguy khốn đó, người khổng lồ K'-Yút đã ra tay chống đỡ để trời đất không nhập làm một. Vì đứng chống đỡ lâu và tay của người khổng lồ in vào những hòn đá còn lưu vết tích cho đến ngày nay.

Địa điểm thác Bến Cự nay trong địa phận của vườn quốc gia Cát Tiên. Truyện kể về sự tích của ngọn thác này gắn liền với tình yêu giữa chàng K'Du và nàng Ka Mài - giữa một bên là con người trần và một bên là của thế giới thần tiên hết sức lãng mạn và cảm động. Vì phạm vào luật tiên giới nên nàng Ka Mài bị bắt giam trên trời. Qua bao thử thách và sự hy sinh, cuối cùng tình yêu đã giúp họ đến với nhau dù rằng khi đó họ không còn sống bên nhau. Những kỷ niệm về tình yêu của con người và thần tiên gắn liền với từng cảnh vật mà người Mạ kể làm cho cảnh đẹp địa danh này càng thú vị.

2.3. Phản ánh phong tục, tập quán

Nội dung truyện kể của người Mạ đề cập đến phong tục tập quán, những điều kiêng kỵ trong cộng đồng khá nhiều. Thường, chuyện lý giải thông qua một truyện kể cụ thể đã xảy ra. Trong truyện kể, có những nội dung bắt nguồn từ thực tế của cuộc sống cũng như có những truyện kể có những chi tiết hoang đường, “khác lạ” với cuộc sống. Thế nhưng, từ những cốt chuyện ấy, người Mạ thể hiện cái nhìn của mình với những điều sự vật, hiện tượng tồn tại trong cộng đồng. Họ tìm ra những “nguyên nhân” để

tránh cái họa cho bản thân, cho cộng đồng hoặc thể hiện cái nghĩa, cái tâm của con người đối với tự nhiên.

Người Mạ có những tập quán được nhắc đến trong truyện kể cũng khá nhiều. Khi làm rẫy, người Mạ thường hay chặt những thân cây chuối bỏ xung quanh bởi vì loài chuột khi thấy rất sợ. Nguyên do được giải thích là trước đây con người và chuột đã từng có trường hợp sống chung thành vợ chồng. Con người đã lấy thân cây chuối làm hòm cho chuột khi chúng chết (*Loài chuột*).

Một trong những tập quán trong hôn nhân mà chúng ta dễ dàng nhận thấy qua nội dung thể hiện trong các câu truyện kể. Những nghi thức cho ngày hỏi vợ, cưới vợ và những lễ vật... trong truyện kể K'Yai và K'Yot thể hiện khá rõ nét. Còn về phong tục ở rể thì hầu như phía người con trai chủ động (kể cả dạng thần linh sắp đặt hay ác quỷ giăng bẫy) thì khi thành vợ thành chồng thì chàng trai phải ở lại bên nhà vợ. Một thời gian khá dài thì người con trai mới đưa vợ về ra mắt bên nhà cha mẹ ruột. Chỉ có 1 văn bản truyện kể về Người cùi thì không ở rể do quy định bắt buộc của cộng đồng: người cùi và gia đình họ phải sống xa cách biệt dân làng.

Lễ hội, đình đám thường diễn ra trong cộng đồng cư dân Mạ. Khi làm rẫy, tổ chức đám cưới, mừng ngày hội ngộ, ngày chiến thắng quân thù hay giết được ác thú...thì người Mạ thường tổ chức những lễ hội khá linh đình và cộng đồng tham dự rất đông đảo.

Trong số những truyện kể Mạ thu thập được, chúng tôi xin nêu một vài lễ hội được đề cập. Những lễ hội này được miêu tả khá linh đình, kéo dài trong nhiều ngày; thường giới hạn trong thời gian là 3 hay 7 ngày: lễ ăn mừng (*K'Đòng giao chiến cùng trâu nước...*), lễ trả của, tạ ơn cha mẹ (*Chàng cùi*); lễ cúng thần cây đa (*Ka Mài ngủ với rắn*); lễ cúng thần sông (*K'Đòng và Nar Woài, K'Rung đi buôn bán*); lễ cúng chữa bệnh và trừ ma quỷ (*K'Rung và K'Rìng*); lễ hỏi, lễ cưới vợ (*K'Yai và K'Yot*)...

2.4. Về các mối quan hệ

Hầu hết các truyện kể Mạ đều phản ánh những mối liên hệ đa dạng với nhau. Mối quan hệ giữa tự nhiên và xã hội, giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với con người... với những thang bậc, sắc thái phong phú.

+ Mối quan hệ tộc người, cộng đồng

Truyện kể Mạ không chỉ đề cập riêng cộng đồng họ mà còn đề cập đến tộc người khác. Đó là mối liên hệ của tộc người, của quá trình giao lưu nhiều mặt trong tiến trình phát triển của xã hội loài người nói chung. Nhiều truyện kể cho thấy nói đến những buôn làng của các tộc người khác nhau. Trong từng tình tiết cụ thể của mỗi chuyện mà có những sự liên hệ qua lại giữa các tộc người của địa bàn cư trú khác nhau. Đó chính là sự phản ánh những mối liên hệ rộng trong cộng đồng tộc người. Nhiều truyện kể như *Chàng con trai chim chích...* cho thấy những cộng đồng

cùng huyết thống cũng hoà nhập trong một điều kiện cụ thể với những lý do khác nhau nhưng tựu chung trước những nguyên nhân đói kém, hạn hán, bệnh dịch. Những buôn làng này hợp sức lại, nương tựa vào nhau để sinh tồn.

Những mối quan hệ giai tầng trong cộng đồng người Mạ được thể hiện qua nhiều chuyện như: Cây nấm, Kẻ mồ côi sống với trái gùi, Con chim màu hồng... Những mối quan hệ cho thấy xã hội người Châu Mạ có sự phân hóa: già làng và dân chúng; người giàu (chúa đất) và người nghèo, vua và dân chúng. Sự quan hệ giữa cộng đồng với nhau, những luật lệ, phân xử được già làng quyết định cho thấy đây là hình thức quản lý cao nhất thời xưa của họ. Những đơn vị gia đình tập trung trong từng buôn làng. Mối quan hệ cộng đồng thể hiện sự đoàn kết như cùng tổ chức lễ hội, cùng tham gia những trận chiến chống thế lực ma quỷ, thiên tai, địch hoạ (K'Đòng giao chiến cùng trâu nước, Người con trai chim chích, Trăn tiên, Quý già gạo làm men...).

Đặc biệt, trong truyện kể Mạ, chúng ta thấy nhiều chi tiết trong mối quan hệ giữa tộc người Mạ và người Chăm (người Mạ gọi là Prum). Những truyện kể như Sự tích Thác Bến Cự, Chàng trai chim chích, Con lươn thần, Chàng K'Rung đi buôn... có những chi tiết về chiến tranh xảy ra giữa hai cộng đồng. Sự thật lịch sử có những cuộc giao tranh giữa người Mạ và người Chăm. Nguyên nhân của các cuộc xung đột dẫn đến chiến tranh trong truyện kể chỉ đề cập đến vấn đề tranh nhau nguồn nước của con

sông. Bên cạnh những truyện kể khác không nhắc đến tên các tộc người giao tranh nhưng cũng đề cập đến việc tranh chấp này. Có thể, tộc người Mạ vùng thượng nguồn sông Đồng Nai không và các tộc người sinh sống miệt hạ đã xảy ra nhiều cuộc tranh chiến thời cổ. Sự xâm lấn lãnh thổ cư trú và nguồn nước sông là một trong những nguyên nhân chính của các cộng đồng tộc người. Một số truyền tích cho rằng nó chỉ xảy ra dưới khu vực sông DaRnga (tức La Ngà) - đây được xem là ranh giới phân định. Còn truyện kể về *Thác Bén Cự cho thấy* người Chăm đã vượt qua ranh giới của sông La Ngà. Vùng thác Bén Cự được xem là trận địa mà người Mạ luôn đánh thắng người Chăm và từ đó người Chăm không xâm lấn người Mạ. Những chi tiết của các truyện kể đã đóng góp những tư liệu cho việc nghiên cứu của lịch sử cộng đồng các tộc người này trong mối quan hệ trên địa bàn Đông Nam Bộ.

+ Mối quan hệ thành viên cá nhân, gia đình

Nhiều truyện kể Mạ đề cập mối quan hệ các thành viên trong gia đình như giữa vợ với chồng, giữa cha với con, giữa anh với em, cháu với bà... với nhiều cách đối xử khác nhau. Có những mối quan hệ này nở những tình cảm tốt đẹp nhưng cũng có những mối quan hệ xấu, thậm chí có một quá trình dài để hình thành, nảy sinh thể hiện các sắc thái tình cảm khác nhau.

Truyện kể Mạ cho thấy sự đa dạng trong quan hệ vợ chồng. Sự kết hợp vợ chồng giữa thành viên là con người

với con người hay với các thần linh tạo nên những sắc thái tình cảm đa dạng và những kết cuộc không hoàn toàn giống nhau. Có những mối quan hệ vợ chồng bền vững nhưng cũng có những mối quan hệ đi đến sự tan vỡ với sự thay đổi bởi cách sống của nhân vật chính.

Những mối quan hệ bền vững thể hiện những tình cảm chân thật, tình yêu chung thủy thể hiện trong những truyện kể sau: chàng K'Du với nàng tiên nữ Ka Mài (*Sự tích Thác Bến Cự*), cô gái và người chồng mang lột sâu (*Chàng con sâu*), cô gái và người chồng mang lột gà (*Chàng gà, Thần gà*), cô gái và người chồng mang lột chồn (*Quý Nai và chàng chồn, Yêu quái và cây thần*), cô gái và người chồng mang lột trăn (*Trăn tiên, KaNga xúc trăn KaDê xúc cá*), chàng trai và người vợ mang lột vượn (*K'Yung và K'Yài*)... Họ sống với nhau hạnh phúc trong cuộc sống trên trần thế và phải trải qua nhiều lúc trong hoàn cảnh cay đắng, buồn tủi. Cũng có những nhân vật trong mối quan hệ vợ chồng với nhau phải hy sinh bởi chính sự nghi kỵ, ganh ghét, sát hại của người đời song những kết cuộc là họ đều gặp nhau và sống bên nhau trong một thế giới khác.

Bên cạnh đó, có những quan hệ vợ chồng không dẫn đến yếu tố hạnh phúc bền vững. Những nhân vật chính được đề cập trong những truyện kể về trường hợp này cũng khá nhiều như: Nàng KaBềng và KaGlòng với người chồng là người cùi (*Người cùi*) sống với nhau hạnh phúc nhưng từ khi chàng rể loạn luân với mẹ vợ thì hai người vợ dùng phép thần để lên trời sống. Từ đó người vợ mất chồng, con

cái mồ cô sống giữa thể gian với bao gian truân và người chồng và bà mẹ vợ bị trừng phạt chết cháy trong lửa. Hay trong chuyện *Cây Nấm* nói về chàng trai và hai người vợ là chị em cô gái nghèo ban đầu sống hạnh phúc nhưng người chồng sau này bạc tình nên rút cuộc gia đình tan vỡ. Người chồng bị trừng phạt hoá thân thành cây nấm sống trong rừng sâu...

Trong quan hệ anh em thì truyện kể Mạ thể hiện nhiều hoàn cảnh, trường hợp mà kết cuộc khác nhau. Tình anh em thăm thiết, sống chết có nhau được thể hiện trong một số truyện kể: chuyện về K'Đòng và bốn người em là một trong những chuyện khá cảm động: K'Đòng và người em gái nhờ sự giúp đỡ của loài thú và thần linh để cứu các em trai mình khi họ bị ác quỷ giết hại (*K'Đòng giao chiến cùng trâu nước*); người anh trai chờ đợi thời cơ giết ma lai để trả thù cho em gái (*Quỷ giả gạo làm men*). Nhân vật K'Tồ với anh trai mình trải qua những ngày tháng mồ cô khôn khó vẫn nương tựa bên nhau để mà sống. Sau này khi lập làng mới vẫn nhớ về người anh trai K'Tà mà tìm cách đưa anh mình lên để sống chung mặc dầu người anh trai đã từng bạc đãi mình (*Kẻ mồ cô sống với trái gùi*). Trong chuyện *K'Yung và K'Yài* thì người em K'Yài khi gặp lại được vợ, sống cuộc sống sung sướng vẫn mời người anh mình lên chung sống dầu trước đây người anh đã tìm cách giết mình.

Trong quan hệ anh em, chúng ta thường thấy lúc ban đầu họ sống với nhau rất tốt, giúp đỡ nhau, nương tựa nhau

để sinh tồn trong những điều kiện sống khắc nghiệt. Và không ít người anh trong hoàn cảnh sống khác trước đã trở nên một con người khác, bạc tình, bạc nghĩa đối với những người thân. Trong khi đó, bất kỳ trong hoàn cảnh nào người em cũng dành cho người anh những tình cảm chân thành. Vì vậy, kết cuộc chuyện dường như bao giờ những sự ban thưởng cũng dành cho nhân vật là người em và sự trừng phạt cho những người anh cố công làm hại em trai mình. Hai trong những kết cuộc đau lòng là người anh trai phải chết trong mưu mô của mình khi sắp đặt những cái bẫy chết người để hại em được nhắc đến trong chuyện Kẽ mồ cô sống với trái gùi..

Mối quan hệ cha - con, mẹ - con, bà - cháu trong truyện kể Mạ biểu đạt tình cảm qua với nhiều cung bậc. Hầu hết, các giềng mối này được duy trì tốt, có tính chất bền vững trong xã hội của cộng đồng. Thường người cha, người mẹ đều có trách nhiệm với con cái và ngược lại. Thế nhưng, một số trường hợp xảy ra với những tình tiết chuyện khá đặc biệt. Đó là người cha đem con mình bỏ rơi vào một vùng đất xa lạ, như vậy người con trở thành mồ cô. Người cha trở thành người thiếu trách nhiệm (Đứa con trai bị bỏ rơi ở cù lao biển) hay người vợ vì xấu hổ bỏ chạy vào rừng sinh con thì người cha cũng không còn trách nhiệm với đứa con gái. Chỉ sau này, khi nhận thấy được nơi ở của vợ con, trách nhiệm của mình, người cha đã tìm đến, đem vợ con về nhà sinh sống. Đó là trường hợp xảy ra với đứa con của nàng Ka Mải trong chuyện Ka Mải ngủ

với rắn. Khi xem xét về mối quan hệ trên, cần quan tâm đến những nguyên nhân xảy đến được đặt trong từng hoàn cảnh cụ thể của nhân vật.

Nổi bật lên trong mối quan hệ gia đình là mối quan hệ giữa mẹ và con hay bà với cháu. Trọng trách của người phụ nữ đối với con cái dường như lớn hơn so với người cha. Điều này quy định bởi xã hội mà chế độ mẫu hệ được xác lập. Người mẹ, người bà nuôi dưỡng con cái. Nội dung của nhiều truyện kể cho thấy tình cảm của người mẹ, người bà dành cho con, cháu rất cảm động dấu trong những nghịch cảnh khắc nghiệt của cuộc sống. Nhân vật hai người mẹ trong chuyện *Chàng cùi* và *Cây nấm* có thể nói là tiêu biểu cho tình cảm của mối quan hệ mẹ - con trong số những truyện kể Mạ. Người cha bỏ rơi con thì người mẹ nuôi con cái và tranh đấu cho chúng những quyền mà con cái cần được. Hai người mẹ trong chuyện *Chàng cùi* dầu lên trời sinh sống trong khi con mình bị phạt ở lại trần gian vẫn hằng ngày lo lắng, chuẩn bị chu tất cho cuộc sống của hai người con. Trong chuyện *Cây nấm*, vì muốn con có người cha đích thực mà hai người mẹ chấp nhận mọi thử thách vượt quá sức chịu đựng của bản thân để cho con được nhận cha. Và kết quả của tình yêu người mẹ cảm động thần linh giúp đỡ cho những người phụ nữ thân phận bị bỏ rơi được hưởng sự công bằng.

Thế nhưng, trong mối quan hệ giữa cha mẹ, con cái vẫn còn nhiều điều không được trọn vẹn khi mà người lớn vì tính tham lam hay quyền lợi riêng của mình đã vô tình

hay cố ý làm tổn hại đến con cái. Hầu hết, trong những chuyện mà thần linh hoá lột thú kết hợp với con gái loài người (*Chàng con sâu, Thần gà, Chàng gà, Trăn tiên...*) có không ít những người cha, người mẹ đã vô tình hay hữu ý đã phá vỡ hạnh phúc của chúng. Con cái của họ bị mất chồng và cuối cùng họ mất con, thậm chí bị trừng phạt của thần linh. Chính những nội dung chuyện đa dạng với bao tình tiết lý thú đó làm cho truyện kể của người Mạ phản ánh được những đặc điểm xã hội của tộc người.

2.5. Vấn đề thần linh, ma quỷ, ác thú và hình thức đội lột

Qua tư liệu điền dã dân tộc học, chúng ta biết được hệ thống thần linh trong đời sống của các cư dân thiểu số miền núi nói chung, cư dân Mạ ở Đồng Nai nói riêng rất phong phú. Người Châu Mạ trước đây với tín ngưỡng “Vạn vật hữu linh” nên những hiện tượng thiên nhiên, sự vật trong môi trường sống của họ đều được họ quan niệm đều có linh hồn, có thần linh. Tất cả những điều đó thuộc về một thế giới siêu hình, thế giới siêu hình đó là nơi tồn tại, ngự trị của các thần linh (đại diện cho cái thiện) và có cả ma quỷ (đại diện cho cái ác), có khả năng chi phối đến đời sống con người. Đây là quan niệm chung của các tộc người trên thế giới trong thời kỳ cuộc sống nguyên thủy với trình độ nhận thức chưa phát triển và hiện nay vẫn còn tồn tại.

Trong truyện kể của người Mạ, hệ thống thần linh và ma quỷ được nhắc đến với một số lượng đáng kể. Thần linh

thì thường hay giúp đỡ, ban phước cho con người, còn ác quỷ thì phá hoại cuộc sống của họ. Thế nhưng giữa người và thế giới thần linh đó cũng bao phen gây nên nhiều cảnh đau thương, biệt ly do những quan niệm khác nhau, bởi những luật định, giới cấm và cả những điều nghi kỵ.

Trong truyện kể của người Mạ thì thần linh xuất hiện khá nhiều trong nhiều dạng lột khác nhau. Hệ thống thần linh của người Mạ có nhiều lớp: thần linh sáng tạo thế giới, thần linh của các loài. Thần linh thì có nhiều quyền phép, tài thuật để giúp đỡ con người vượt qua những khó khăn, đánh lại quỷ dữ đồng thời cũng trừng phạt họ nếu như họ bất kính, vi phạm điều cấm, giới luật.

Về lớp thần sáng tạo trong truyện kể đề cập thần K'Boong, thần N'Duu, Duk Yang Kòi - thần lúa (*Thần K'Bong làm nên trái đất*); thần K'Boong (*Sự tích Cà Răng*); thần Readon con của thần Mặt trời (*Chuyện về Lửa*). Bên cạnh đó, xuất hiện con của thần linh, tổ tiên, hay thần các loài vật như: Doot, Doi, Ka Yéc con thần K'Boong; tổ Paang Kkha và tổ Paang Khem, Biit và Riing hay người khổng lồ I - út; các linh vật thần như rắn Nak Grai, chim Siim Têk, Siim Tiik...

Hệ thống thần linh giúp đỡ cho con người trong truyện kể Mạ mang nhiều lột khá độc đáo và trong những tình tiết chuyện khá thú vị.

- Chuyện "*K'Đòng giao chiến cùng trâu nước*" nhắc đến thần sấm sét và con gái của thần và củ ngãi thần. Trong

khi thần sấm sét tấn công chàng K'Đòng thì con gái của người (cũng là thần linh) giúp đỡ đối thủ của cha mình. Trong nhiều cuộc đấu tài thì cuối cùng chàng K'Đòng đều chiến thắng. Do thần sấm sét hiểu lầm nên cuối cùng chàng K'Đòng được minh oan và được vị thần gả con gái cho. Trong nhiều truyện kể Mạ ta thấy sự xuất hiện của thần Nước khá nhiều.

- Chuyện "*Cậu K'Rung đi buôn bán*" nói đến *thần Nước* - *thần sông* giúp đỡ chàng K'Rung được gặp lại vợ mình. Vợ chàng K'Rung bị hại chết và cuối cùng nhờ thần nước cứu, giữ xác cho đến khi chàng đến cứu, báo thù những kẻ độc ác.

- Chuyện "*Hai anh em K'Dòng và K'Sách*" thì *thần nước* khuyên bảo chàng K'Dòng nên làm những việc thiện, siêng năng giúp đỡ gia đình, không nên tự huỷ cuộc đời mình.

- Chuyện "*Vợ chồng KaĐình Kòn Vêng... đánh trận với quỷ*" thì cho thấy yếu tố *thần rừng* giúp cho nhân vật chính của câu chuyện và dân làng đánh thắng quỷ dữ, cứu vợ và dân làng thoát khỏi những trận quỷ dữ tàn phá.

- Chuyện "*Nàng gà lôi*" thì xuất hiện *thần Mặt trời, thần Núi* giúp đỡ cho chàng mồ côi.

- Chuyện "*Cây nầm*" thì xuất hiện *nhện thần, ông trời* giúp chị em nàng Ka Vách, Ka Nar...

- Chuyện "*Ka Sệt ngủ với rắn*" xuất hiện *thần cây đa* giúp cho nàng Ka Sệt trong những ngày sống ở rừng và

giúp cho gia đình họ sau những ngày bị chia cách được đoàn tụ.

Thần linh thường dùng lột để đến với con người mà một trong những lột được sử dụng là các loài thú. Yếu tố mang lột loài thú với nhiều tình tiết hoá thân rất độc đáo. Đây là mô típ được thường thấy trong nhiều chuyện:

- *Thần sâu* - chàng trai (*Chuyện con sâu*) đã yêu cô gái út của một gia đình. Thế nhưng, cuối cùng thần con sâu đã bị chính người chàng vợ lừa vào bẫy giết chết.

- *Trăn thần* - chàng trai (*KaNga xúc trăn, KaDê xúc cá*) đã yêu cô gái là đứa em trong một gia đình. Trăn thần dùng tài phép của mình giúp đỡ cho cha mẹ, anh em và buôn làng và sống hạnh phúc.

- *Trăn thần* - chàng trai (*Trăn thần*) có thể xem như một dị bản của chuyện (*KaNga xúc trăn, KaDê xúc cá*): con trăn thần yêu người con gái út trong gia đình có bảy chị em. Người em chấp nhận mọi sự để yêu chàng trăn mặc bao lời khinh bỉ của người thân, dân làng. Người vợ của trăn thần đem lột áo của chồng đốt đi như hoá giải cho kiếp thù trăn và làm cho người chồng thành con người mãi mãi. Họ sống hạnh phúc và giúp đỡ nhiều việc cho dân làng bằng tài phép của chàng trăn.

- *Thần linh* mang lột *con lươn* trong chuyện “*Con lươn thần*” đã giúp đỡ chàng trai mồ côi có nhiều của cải khi dùng phép thuật để lấy của cải người Prum (Chăm).

- *Thần linh mang lột vượn/ lột người* trong chuyện “*K’Yung và K’Yài*” sống với người con trai K’Yài. Người chồng K’Yài vì vi phạm vào điều kiêng kỵ nên người vợ hoàn lột vượn bỏ đi. Chàng K’Yài trở nên điên khùng và bị người anh tìm cách giết hại. Khi ấy, vượn tiên xuất hiện và cứu chồng. Hai người sống với nhau hạnh phúc và cứu dân làng cũ thoát khỏi nạn đói kém.

- *Chim thần màu hồng* - cô gái (*Con chim màu hồng*) đã yêu chàng trai bất chấp nguy hiểm tìm đến với mình là chàng K’Pong. Thế nhưng, do chàng K’Pong do dự nên cô gái Ka Piêng đã hoá thành chim, sau đó hoá thành người để yêu người em trai của người yêu mình. Hoàn cảnh trở trêu ngày hội tụ gia đình cũng là bước ngoặt cho sự tan vỡ những mối quan hệ trước đây. Nàng Ka Piêng và chàng K’Pong tìm đến cái chết để hoá giải cho những trắc trở duyên phận. Nàng Ka Piêng lại hoá thân thành chim màu hồng, một loài chim được người Châu Mạ xem là biểu tượng của cái đẹp.

- *Chim bồ câu* - cô gái (*K’Sết chọn bạn chim bồ câu*) vì thương cảnh mồ côi của hai anh em trai K’Sết nên đã giúp đỡ họ. Sau những ngày sống bên nhau, chim bồ câu thử tài hai anh em mồ côi và cuối cùng chọn người em làm chồng. Thế nhưng, vì mang lột chim bay đi bay về nên chim đã bị người thợ săn bắn chết.

- *Con chồn* - chàng trai (*Quý Nai và chàng trai chồn*) giúp đỡ cô gái bị quý dữ bắt và từ đó nên vợ nên chồng.

Qua bao hiểm nguy, họ sống với nhau hạnh phúc. Thế nhưng, do sự ganh ghét, thanh niên của buôn làng đã phục tâm giết chàng trong đồng lửa của đêm lễ hội. Vì đau xót và thương chồng nên cô gái cũng tìm đến cái chết bằng cách tự thiêu trong đồng lửa. Trong dị bản khác (*Yêu quái và cây thần*) thì tình tiết chàng chôn bị mẹ vợ giết và cô gái bị bệnh chết. Hai người gặp nhau và trở về bên cây thần linh đã giúp họ tránh nạn quỷ dữ trước đây sống với nhau.

- *Con gà* - chàng trai (*Chàng gà*) đem lòng thương mến hai chị em của một gia đình. Vì mang trong mình lột thú nên cha mẹ cô gái nghĩ rằng ác quỷ đội lột nên không đồng ý. Vì thế, người cha tìm cách lừa và giết đi chàng gà khi anh ta mang lột gà đến thăm nhà. Người chị nhớ thương chàng gà và quyên mình dưới dòng suối sâu. Một dị bản khác "*Thần gà*" có nội dung gần như nhau nhưng có một số tình tiết khác: Người chị ăn thịt chồng mà không biết do người cha độc ác giết chàng gà đem nấu cháo. Người vợ chàng gà tìm đến cái chết trong đồng lửa. Sau đó, hai người gặp lại nhau trong thế giới của thần tiên, sống bên nhau.

- *Con gà lôi* - cô gái (*Nàng gà lôi*) là *thần Núi* mang lột con gà lôi và hiện hình thành một cô gái xinh đẹp đến giúp đỡ chàng K'Kơ mồ côi đang buồn chán đi tìm cái chết. Qua thời gian giúp đỡ chàng trai, nàng gà lôi thần đã đem lòng yêu chàng trai và họ trở thành vợ chồng. Do chàng trai K'Kơ vi phạm vào điều hứa nên nàng gà lôi đã hoá kiếp gà về rừng. Thế nhưng trước tình yêu tha thiết và nỗi lòng hối hận của chàng trai mà thần Mặt trời cho họ được tái ngộ để sống cuộc đời hạnh phúc.

- *Ngà voi* - cô gái (*Kẻ mồ côi sống với trái gùi*) trong thân phận sống trong chiếc ngà voi đã giúp đỡ cho chàng trai mồ côi K'Tồ. Trải qua bao thử thách, nghèo khổ, gian nan họ trở thành vợ chồng và sống với nhau, làm chủ một vùng đất rộng lớn. Dù vợ chồng người anh trai ghen ghét, tìm cách giết hại nhưng cuối cùng họ vẫn chiến thắng bằng tình nhân ái.

- *Tiên nữ* - cô gái với tên Ka Mài (*Sự tích thác Bến Cự*) là tiên nữ bỏ thượng giới để yêu con trai loài người. Họ đã có những thời gian sống với nhau hạnh phúc nhưng không trọn vẹn. Vì phạm vào luật trời nên nàng tiên nữ Ka Mài bị bắt về trời. Chàng trai con loài người là K'Du nhớ thương vợ đến chết. Trên thượng giới, nàng tiên nữ thấy cảnh xót thương và xin chết để hoá kiếp làm loài hoa để vợ chồng được bên nhau.

- *Chim sơn ca* - nàng Ka Diên (*Hai anh em K'Dong và K'Sách*) kể về Chàng K'Dong vốn là một người làm biếng nhưng khi nghe theo tiếng gọi của tình yêu, chàng quyết tâm bằng mọi cách vượt qua gian khổ để tìm người vợ mà mình mong muốn. Người vợ là Ka Diên vì sợ người chồng mình bỏ rơi đã nguyện chết (hay có thể nói là tiên cảm) mình sẽ hoá thành chim sơn ca. Và nàng Ka Diên bị người khác hại chết biến thành chim để nhắc chồng nhớ về tình yêu giữa hai người. Người chồng là K'Dong sau những chặng đường bôn ba, vô tình quên người vợ của mình thì đến lúc cuối đời tỉnh ngộ ra. Chàng K'Dong thức tỉnh và

nguyên khi chết sẽ hoá thành một loài cây giúp ích cho đời như là một sự chuộc lỗi.

- *Con của Trời* - chàng trai (*Người con chim chích*) trong hình dạng nhỏ nhoi như chim chích nhưng đã tìm đường lên trời. Chàng trai hoá thân phận khác và học hỏi nhiều phép thuật nơi thượng giới đem lại cuộc sống ấm no, bình yên cho dân làng.

- Thần cây chuối - *bà lão già* trong chuyện “*Cây chuối thần*” đã giúp cho chàng trai nghèo khó qua những thử thách đồng thời trừng phạt con người tham lam, không giữ lời hứa.

- Thần Núi - *chủ vườn tốt bụng* trong chuyện “*Chàng trai mồ côi*” đã giúp cho hai anh em mồ côi thoát khỏi sự ghen ghét, độc ác của người thím, cho họ, giúp họ thoát khỏi cảnh đói nghèo và lập làng mới cho dân làng.

Bên cạnh sự xuất hiện để trực tiếp giúp đỡ con người thì thần linh cũng ban phát cho con người những vật linh để họ biết dùng để đối phó khi gặp hiểm nguy như: guom thần, phép thuật, cách làm cho ra những luồng khói, làm những con vật khổng lồ... hay cho xuất hiện những con vật thần như chim bồ câu, cóc, cây cối, trăn, chồn, nhím, rùa... được đề cập trong rất nhiều truyện kể của cả người Châu Mạ.

Sự xuất hiện của ác quỷ, ác thú cũng khá nhiều trong truyện kể Mạ. Ác quỷ cũng xuất hiện bất ngờ, cũng đội

lốt nhiều thứ và tinh ranh, ma quái luôn tìm cách hại con người. Hình thức đội lốt, hoá thân của ma quỷ xuất hiện trong một số chuyện sau:

Ác quỷ - ông già Nu Nìn và ác thú - con trâu nước trong chuyện "*K'Đòng giao chiến cùng trâu nước*" giết hại ba người em K'Đòng và phá hoại buôn làng người Châu Mạ. Ác quỷ - người cậu trong chuyện "*Quỷ già gạo làm men*" là hình thức ma lai ăn thịt người. Ác thú - con trăn trong chuyện "*KaNga xúc trăn, KaDê xúc cá*" và "*Trăn thân*" ăn thịt con gái loài người. Ác thú - con nai/ đội lốt người trong chuyện "*Quỷ Nai và chàng trai chôn*" để bắt con gái ăn thịt. Ác thú - con cọp trong chuyện "*Quỷ ăn trái bứa*" vốn là một cô gái do ăn trái bứa của quỷ hoá thành cọp dữ. Cọp dữ ăn thịt dân làng và cuối cùng bị người không lồ giết chết. Trước khi chết, cọp dữ đã nhờ vào chiến nội thần hoàn trả những thứ mà nó đã giết chết, ăn thịt trước đây.

Truyện kể Mạ đều cho thấy mối quan hệ khá thường xuyên giữa con người với thần linh. Nói một cách khác, trong tín ngưỡng cổ của các tộc người, thần linh đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của họ. Thần linh giúp đỡ con người trong những hoàn cảnh mà con người lâm vào sự khó khăn, họ kêu gọi sự giúp đỡ hay chính thần linh cảm thương cho những số phận. Bằng nhiều cách như mang lốt loài thú, con người, cây cối, hay sự mách bảo mà thần linh đến giúp cho con người.

2.6. Về hiện tượng mồ côi

Nội dung truyện kể Mạ thường đề cập vấn đề mồ côi. Đây là cảnh ngộ nhân vật thường bắt gặp trong những truyện kể về con người. Nhân vật mồ côi trong một hoàn cảnh của chuyện là một đến nhiều người nhưng thông thường số loại hai và ba người. Họ mồ côi chàng hay mẹ và cả cha lẫn mẹ từ rất sớm. Có một văn bản tư liệu trong diễn tiến của truyện kể nhân vật mới trở thành mồ côi (Chàng cùi). Họ là hai anh em trai hoặc hai chị em gái hay anh trai và em gái. Nhân vật sống đơn côi một mình hay sống với người thân bên ngoại như ông bà ngoại, anh em, cô cậu của mình. Có trường hợp thần linh đội lốt cũng ở trong cảnh ngộ mồ côi (Chàng con sâu)

Trong bất kỳ trường hợp nào, chúng ta luôn thấy nhân vật gánh chịu những sự bất hạnh về tình cảm, về đời sống vật chất và cả tinh thần. Một đặc điểm khá đặc biệt là trong cảnh ngộ của nhân vật mồ côi - nếu mồ côi mẹ thì ít thấy xuất hiện nhân vật người cha. Chỉ duy nhất 1 văn bản tư liệu đề cập người cha nhưng hai nhân vật này sống với nhau kéo dài khi người cha cố tình đem con mình bỏ rơi vào nơi xa lạ (Đứa con trai bị bỏ rơi ở cù lao biển). Qua chuyện về các nhân vật mồ côi chúng ta thấy sự phản ánh về chế độ mẫu hệ trong cộng đồng Châu Mạ trước đây. Nhân vật mồ côi thường được nương tựa trong gia đình bên ngoại.

Nhân vật, cảnh ngộ mồ côi xuất hiện trong nhiều chuyện sau: Chàng trai - sống một mình (*Sự tích Thác Bến Cự*,

Con lươn thần, Nàng gà lôi, Cây chuối thần). Chàng trai - sống với mẹ, bà (Người con trai chim chích, Hai anh em K'Rung và K'rìng, Hai anh em K'Dong và K'Sách). Hai anh em trai - sống với nhau (K'Rung đi buôn bán, K'Sết chọn bạn chim bồ câu). Hai anh em trai - sống với bà, cậu (Con chim màu hồng, Kẻ mồ côi sống với trái gùi, Anh chàng mồ côi...). Hai anh em trai gái - sống với nhau (Quý giả gạo làm men...). Hai chị em - sống với nhau (Cây nấm, Ông bà cọp). Bốn anh em trai và một em gái - sống với nhau (K'Đùng giao chiến cùng trâu nước)...

Trong những truyện kể về nhân vật mồ côi thường có những yếu tố “thần kỳ” tức là sự hoá phép, giúp đỡ vượt ra khỏi những tầm với của con người. Những sự giúp đỡ ấy chính từ hệ thống phúc thần mà người Châu Mạ tôn thờ. Những nhân vật mồ côi xuất thân từ nghèo hèn, đói rách, khổ sở, bị khinh bỉ... hầu hết đều có kết cuộc tốt lành, may mắn. Người mồ côi tuy theo hoàn cảnh, diễn tiến trong cuộc đời mà có vợ đẹp, gia đình hạnh phúc, con cái và làng mới để sinh sống hay được vua chúa tin yêu giao cho quyền cao chức trọng... tức là họ vượt qua những hoàn cảnh bất hạnh trước đây. Nói như thế, cũng không phải không có những nhân vật mồ côi phải bị trừng phạt do họ có những thay đổi trong cuộc sống sau này của mình. Trước thì họ trong cảnh ngộ mồ côi thì sau đó trong cảnh sung sướng họ lại quên đi cảnh ngộ, bạc tình, bạc nghĩa, tham lam để cuối cùng nhận lấy sự trừng phạt, gánh lấy những hậu quả nặng nề: nhân vật mồ côi K'Tà (Kẻ mồ côi sống với trái gùi) sau khi có vợ con, sung sướng thì hất hủi và có ý tham lam đoạt của cải

em trai mình nên bị chết trong mưu mô của mình bày nên; nhân vật K'Pong (*Con chim màu hồng*) vì do dự và quên đi tình yêu của mình nên sau nhiều chặng đường vất vả đã đánh mất hạnh phúc của chính mình...

Cảnh ngộ của những nhân vật mồ côi trong truyện kể cũng hé mở những tư liệu cho thấy trong mối quan hệ cộng đồng của người Mạ. Đó là quan hệ bên dòng họ mẹ khi mà xã hội Mạ vai trò của người phụ nữ (mẹ, bà ngoại) được xác định trong cộng đồng.

2.7. Về hình tượng các con số

Trong kho tàng truyện kể Mạ có nhiều con số được nhắc đến. Con số trong chuyện cổ không dùng làm phép đếm đo nhưng để định lượng tùy theo diễn tiến của câu chuyện với những vấn đề đặt ra. Một trong những con số được đề cập khá nhiều và thường được lặp đi lặp lại nhiều lần là con số 7 và thường bắt đầu là con số 7... trở đi.

Con số 7 dùng để chỉ người: 7 người con gái của một gia đình (*Trăn thần*); chỉ thời gian diễn ra lễ hội kéo dài bảy ngày (*K'Yai và K'Yột*), diễn ra các trận giao chiến giữa con người với con người (*Chàng con trai chim chích*), sự giao chiến giữa con người với thần linh hay ác thú, ác quỷ (*K'Đòng giao chiến cùng trâu nước*), hạn định cho những việc tổ chức các lễ cúng hay các sự kiện sẽ xảy ra (*K'Đòng giao chiến cùng trâu nước, Quý Nai và chàng trai chôn*); 7 năm (*Sự tích nạn hồng thủy*) chuyến hành trình 7 ngày

(*K'Dong và K'Sách*); chỉ đồ vật, sự vật: 7 nhà kho, 7 món đồ lễ cúng, 7 cục lửa than, 7 cái rựa, 7 cái chĩa, 7 cái rìu, 7 cái ná, 7 suối, 7 bãi cát, 7 gian nhà (*Thằng mồ côi, K'Rung và K'Rìng, Chàng K'Rung đi buôn bán, K'Dòng giao chiến cùng trâu nước, Vợ chồng KaĐình... đánh trận với quỷ, Chàng con trai chim chích*); chỉ số lần hiện tượng: 7 lần xuất hiện các trận đánh, 7 lần thử thách (*Chàng con trai chim chích, Cây chuối thần, Con lươn thần*)...

Đồng thời, những con số bắt đầu từ con số 7 cũng được dùng nhưng có tính phiếm chỉ chẳng để tăng thêm những định lượng mà nội dung chuyện đề cập. Có một văn bản tư liệu trong số truyện kể thu thập được của người Mạ thể hiện con số tăng nhưng gốc từ con số 7 (*Cây nắm*). Người chồng sử dụng cách tăng có gốc từ con số 7 để thử thách khắc nghiệt đối với hai người vợ mà chính mình bỏ rơi. Để trở lại với thân phận làm vợ thì hai người trong hạn định của từng thử thách là 7 ngày phải thực hiện: 7 tấm mền có hoa văn đẹp, 70 tổ rượu cần, 700 gùi củi, 700 lu nước. Tất nhiên với sức lực của con người những điều đó khó có thể hoàn thành nhưng những thử thách đó cả hai người vợ của chàng trai kia đều vượt qua do thần linh bằng nhiều cách giúp đỡ. Điều này cho thấy quan niệm của sự may mắn, tốt lành trong của người Mạ về hình tượng con số 7 - nó là sự cố gắng của con người cũng như sự trợ giúp của thần linh để đạt đến tính toàn vẹn.

Những già làng giải thích con số 7 với tính chất nó là con số của sự toàn vẹn, đây là một biểu hiện tư duy, nhận

thức văn hoá của chính tộc người Châu Mạ. Đây cũng là quan niệm và sử dụng con số 7 như thể hiện sự tốt lành trong kho tàng văn hoá chung của nhiều tộc người cổ trên thế giới khá phổ biến.

Hình tượng con số 7 xuất hiện với tần nhịp trong truyện kể Châu Mạ là khá đặc biệt. Bên cạnh đó, một trong những con số cũng hay được đề cập là con số 2 và 3. Trong một số truyện kể, con số 2 thường để định lượng số người và con số 3 để chỉ người, chỉ số lần, chỉ hạn định thời gian.

2.8. Về hiện tượng ma lai

Qua khảo sát điền dã trong cộng đồng người Mạ chúng tôi không thấy nhắc đến hiện tượng được định danh là ma lai mà chỉ đề cập ma quỷ - dạng ác thần chuyên phá hoại cuộc sống con người. Thế nhưng, trong các văn bản tài liệu truyện kể sưu tầm được của riêng người Mạ có những chuyện đề cập về hiện tượng ma lai. Quan niệm về ma lai trước đây và một số địa bàn các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay vẫn còn tồn tại và gây nhiều hậu quả xã hội nghiêm trọng.

Trong truyện kể Châu Mạ có 2 văn bản nói về ác quỷ lột người ăn thịt người. Chuyện “*K’Đòng giao chiến cùng trâu nước*” nói về người ăn thịt người trong lột “*ông già Nu Nìn*” và cô Ka Đạ ăn tim người thành quỷ dữ mang lột người khác trong chuyện “*K’Rung và K’Rìng*” có thể là dạng thức chuyện ma lai chăng? Trong những truyện kể

Châu Mạ thì hình tượng ma lai cho thấy mang tính chất lai giữa người và ma. Trong chuyện “*Quý giả gạo làm men*” thì ma lai trong lột con người “*Ông cậu*” và giả dạng người khác lừa người và ăn thịt người vào ban đêm; trong chuyện “*Quý ăn trái bứa*” thì “*cô gái*” do ăn nhầm trái bứa của quý nên biến thành cọp dữ, mang lột người thành ma lai chuyên ăn thịt người và thú vật. Ma lai có những phép thuật mà con người không có. Trong hai chuyện trên, cho thấy có cá nhân là ma lai hay có cả dòng họ là ma lai. Cộng đồng của tộc người Châu Mạ rất sợ ma lai vì không lường được những phép thuật của chúng.

Sự trừng phạt đối với những con người mà cộng đồng cho là ma lai thì thực tế trên địa bàn Đồng Nai không xảy ra. Trong truyện kể có đề cập về sự hợp sức của dân làng lừa cho những ma lai mất cảnh giác “*làm cho chúng uống rượu say để bắt, khi chúng uống rượu say thì không thể dùng phép thuật và đem chém chết quăng xuống sông*”. Khi trừng phạt, diệt nạn ma lai thì người Mạ tổ chức ăn mừng.

2.9. Về sự ban thưởng và trừng phạt, cái thiện và cái ác

Nội dung truyện kể Mạ không đề cập ngay từ đầu đến sự ban thưởng hay trừng phạt nhưng qua nội dung chuyện xảy ra bao nhiêu tình tiết và cuối cùng mới nhắc đến nó. Phần kết chuyện cho những nhân vật chính trong chuyện thường gắn liền với hai sự việc ban thưởng, trừng phạt. Kết cuộc có hậu thường được dành cho những con người tốt, tài giỏi, ngay thật, can đảm và ngược lại là sự trừng

phạt nặng nề cho những con người tham lam, độc ác, giao trá hay các loài ma quỷ. Sự ban thưởng hay trừng phạt bắt nguồn từ chính nỗ lực của bản thân (sự tưởng thưởng hay đón nhận hậu quả của việc làm mình gây nên) hoặc đến từ thần linh.

Về những truyện kể mà nhân vật chính là người, ta có thể thấy được kết cuộc sự ban thưởng hay trừng phạt qua một số chuyện thể hiện rõ đặc điểm theo quy luật “giao ác gặp ác, gieo lành gặp lành”, được tóm lược sau:

- Người em trai trong chuyện “*Hai anh em*” hay chàng K’Tô trong chuyện “*Kẻ mồ côi sống với trái gùi*” thật thà, ngay thẳng được thần linh giúp đỡ, kết cuộc có vợ đẹp là thần tiên và cả gia tài của người anh. Còn người anh vì bạc nghĩa tham lam, độc ác muốn giết em trai mình nên đã lãnh lấy hậu quả chết cháy trong hang rừng.

- Chàng K’Đòng dũng cảm và ngay thẳng trong “*K’Đòng giao chiến cùng trâu nước*” đánh bại các loài quỷ dữ, cứu dân làng và được thần linh ban gả cho con gái để làm vợ, ban cho một cuộc sống thần tiên.

- Trong chuyện “*Ka Nga xúc trăn Ka Dê xúc cá*” cho thấy nàng Ka Nga hiền lành chăm chỉ nên được trăn thần làm chồng trong khi nàng Ka Dê tham lam, ganh ghét nên bị trăn độc ăn thịt và cuối cùng chết đi phải hoá kiếp thành loài chim khác.

- Nàng Ka Độ trong chuyện “*K’Rung và K’Yài*” vốn là một cô gái đẹp nhưng vì giết người ăn tim nên thành quỷ

dữ và cướp chồng người khác nên bị trừng phạt thành con khi.

- Chuyện “*K’Yai và K’Yot*” thì các nhân vật chính hoá thành các loài thú trong đó chàng K’Yot cướp vợ người nên bị trừng thành chim quạ. Con chim quạ được người Châu Mạ cho là con chim xấu xa.

- Chàng mồ côi trong chuyện “*Cây chuối thần*” hay “*Con lươn thần*” thật thà, có lòng nhân ái, trọng lời hứa nên được thần linh ban cho cuộc sống giàu có, trong khi đó các nhân vật khác vì tham lam, bất tín, ngu dốt nên bị trừng phạt nặng nề như bị chết đi, không thực hiện được ý muốn của bản thân.

Đối với những chuyện mà các con vật trong vai trò chính của câu chuyện hay đối tượng là ma quỷ thì đối tượng gian ác trước sau gì cũng bị trừng trị và gánh lấy những hậu quả thê thảm. Trong khi đó, các con vật thể hiện hình tượng chân thật, tài giỏi thì được ban thưởng hay được những kết quả tốt đẹp.

2.10. Về sự tích các loài và cách lý giải những đặc điểm về sinh thực vật

Thông qua truyện kể, người Mạ lý giải về sự hình thành của các loài theo quan niệm của cộng đồng mình. Sự tích của các loài thật phong phú theo những cách lý giải khác nhau nhưng tựu chung qua nguồn gốc các loài chính cộng đồng Mạ thể hiện sự nhận xét, quan sát tinh tế của họ về

đặc điểm cình, thực vật. Truyện kể về sự tích các loài con có ý nghĩa là những bài học đạo đức để lưu truyền trong cộng đồng.

- Con lươn: chàng K'Đung chết hoá thành. Chàng K'Đung có vợ xinh đẹp là KaYời nhưng bị người ta cướp. Chàng biến thành lươn chui nhí dưới bùn lầy. Biểu thị sự yếu thế (*K'Yai và K'Yot*).

- Chim chèo bẻo: nàng KaYời chết hoá thành, nàng là vợ của K'Đung nhưng bị buộc phải làm vợ K'Yot. Vì hận không trả thù được cho chồng nên chết hoá thành chèo bẻo. Biểu thị sự hung hãn, ưa tấn công kẻ khác (*K'Yai và K'Yot*).

- Chim tu hú: nàng KaĐrột là người yêu K'Yot. Bị người yêu bạc tình, bỏ đi lấy vợ nên buồn mà chết hoá thành chim tu hú - chim gọi chồng. Biểu thị sự thiệt thòi và đau khổ (*K'Yai và K'Yot*).

- Chim quạ: chàng K'Yot chết hoá thành. Một người có người yêu nhưng phải theo lời mẹ và anh, đi cướp vợ người khác là nàng KaYời có chồng là K'Đung. Biểu thị sự tham lam và tình xấu xa, bị chê ghét (*K'Yai và K'Yot*).

- Chim quạ: một truyện kể khác cho rằng chim quạ chính là nàng La Đạ độc ác giết vợ của chàng K'Đòng và âm mưu chiếm đoạt chàng K'Đòng làm chồng. Thần linh phạt cho nàng La Đạ chết hoá thành quạ vì cái tội đi phá hạnh phúc của gia đình người khác nên bị người ta khinh bỉ (*K'Đòng và Nar Woài*).

- Con voi: Con voi do sáu người thanh niên hoá thành vì ăn thịt quỷ ngâm muối trong ống tre lồ ô với thịt ếch. Người Châu Mạ quan niệm rằng loài voi từ con người mà ra. Khi dân làng săn được voi thì người Châu Mạ không bao giờ ăn thịt ngực của con voi vì đó là phần thịt người hoá voi. Còn những phần thịt khác do các con thú khác tạo nên thì ăn được (*Con người hoá voi*).

- Chim đại bàng: nàng KaDê chết hoá thành. Nàng muốn giống người chị để được chồng là thần tiên nên bắt chước tất cả để làm theo mục đích riêng nhưng không thành. Cuối cùng gánh chịu sự đau khổ do chính bản thân làm. Biểu thị tham vọng ngông cuồng (*KaNga xúc trần và KaDê xúc cá*).

- Chim bồ câu: có vòng hạt đeo cổ do người mẹ của nàng KaDê tặng vì ơn cứu sống con gái. Vòng chuỗi đeo cổ do con người tặng. Biểu thị cho sự đẹp đẽ, nhân từ (*KaNga xúc trần và KaDê xúc cá*).

- Con chim màu hồng: nàng KaPiêng xinh đẹp chết hoá thành. Vì tình yêu với chàng K'Pong mà nàng gặp nhiều trắc trở. Không sống được với người mình yêu, nàng hoá thành chim rồi thành người và sống với người em trai chồng trong hoàn cảnh đáng thương. Rồi sự hội ngộ của gia đình, của hai anh em nhà chồng làm cho sự đau khổ thêm lên đối với những người thân. Nàng buồn tủi và tìm đến cái chết lần thứ hai, vĩnh viễn thành chim (*Con chim màu hồng*).

- Chim sơn ca: Nàng KaDiên chết hoá thành. Nàng Ka Diên và chàng K'Dong vốn là vợ chồng. Sau nhiều chặng hành trình vất vả, K'Dong mới nên lấy được KaDiên. Nhưng nàng Ủr Độ độc ác lừa hại Ka Diên và cướp chàng K'Dong. Ka Diên chết hoá thành chim sơn ca như đã từng tiên cảm với chồng mình. Khi chàng K'Dong trở về nhà, chim sơn ca hát nhắc nhở chàng về tình yêu giữa họ (*K'Dong và K'Sách*).

- Con khi: cô gái đẹp tên là KaĐộ. Nàng KaĐộ yêu chàng K'Rung nhưng không được chàng K'Rung lấy làm vợ nên nàng trở nên độc ác. Nàng KaĐộ giết vợ chàng K'Rung lấy quả tim ăn và biến thành một con quỷ dữ, biết nhiều phép thuật đội lốt người. Hình hài con quỷ đội lốt chính là người vợ K'Rung nên chàng K'Rung sống với quỷ mà không hề biết. Chính sự chung chạ giữa con người với loài quỷ dữ đã tạo nên bao cảnh đau thương trong gia đình chàng trai K'Rung. Cuối cùng thì thần linh giúp cho vợ K'Rung sống lại khi nàng lấy người em chồng là K'Rìng. Thần linh bày phép cho K'Rìng đánh bại quỷ dữ và lấy trái tim lại cho người mình yêu. Nàng KaĐộ xinh đẹp xưa kia trở thành ác quỷ và cuối cùng bị thần linh trừng phạt hoá kiếp thành con khi. Loài khi phải sống trong rừng sâu và mãi mãi không hoá lại kiếp người (*K'Rung, K'Rìng*).

- Con rắn lục: là con của người đàn bà tên là Ka Mài với con rắn. Nó có màu xanh là do không vâng lời nên bị người mẹ đánh. Từ đó, rắn lục căm thù người, lẩn núp trong những chùm cây lá màu xanh canh con người sơ ý là cắn để trả thù (Ka Mài ngủ với rắn).

- Con dộc: hai bên dít dộc có vết theo là do bị bầy khi chém. Bầy khi phình hai con gái của loài người để chiếm đoạt nhưng không được. Nhưng bầy khi cứ nghĩ rằng đã thực hiện giao hợp với con gái loài người nên khoe khoang. Con dộc chọc quē nên khi tức lấy dao chém gây nên theo (Người cùi).

- Con chuột, con nai, con chim: chuột trước đây làm ổ sống trên bờ cỏ nhưng bị Nai đập. Chuột kiện và được thần sấm sét cho biết cách đào hang mà sống; Nai vì đập nhà chuột lên bị thần sấm sét lấy dít nôi đang nóng làm theo trên cỏ; con chim thì phải sống khắp nơi trên cánh đồng chứ không tập trung nơi bờ ao vì hót làm cho nai sợ (Chuột và nai).

- Lan đuôi chồn: nàng tiên nữ Ka Mài phá luật trời yêu chàng K'Du - con người trần. Họ bị trời bắt xa cách, biệt ly. Chàng K'Du ngày đêm nhớ thương vợ nên sanh bệnh mà chết. Nàng Ka Mài bị giam trên trời xin được chết để gần bên chồng. Nàng chết hoá thành làn đuôi chồn để ở bên gốc cây là chàng K'Du (Thác Bến Cự).

- Cây dứa: Chàng K'Dong mồ côi, sống với bà ngoại. Tính tình làm biếng. Chàng đi tìm và cưới được nàng Ka Diên xinh đẹp làm vợ. Thế nhưng chàng bị nàng Ừ Dộ lừa mà không biết, sau này sống với người vợ mới mà quên đi người vợ đầu tiên. Khi trở về nhà, được chim sơn ca hót nhắc về tình yêu của chàng với nàng Ka Diên trước đây, chàng K'Dong hối hận việc làm của mình. Như để chuộc lỗi về những việc làm trước đây, chàng K'Dong nguyện

chết thành cây dừa để có ích cho con người. Chàng được toại nguyện. Cây dừa người dân Châu Mạ dùng để đan chiếu nằm và sắp đựng cơm (K'Dong và K'Sách).

- Cây nấm: do người chồng của hai cô gái KaVách và KaNar bị trừng phạt hoá thành. Người chồng là một con người lúc đầu thương yêu vợ nhưng cuối cùng bị lừa và sống chung với người đàn bà khác. Chàng bỏ rơi hai người vợ và con cái, khiến họ nhiều phen khổ sở do đặt những điều kiện nặng nề mà họ không làm được khi muốn cho con cái có cha. Thần linh trừng phạt con người bạc tình, bạc nghĩa và độc ác (Cây nấm).

- Trái cà: cô gái xinh đẹp chết hoá thành. Cuộc đời cô gái lúc đầu gặp hiểm nguy khi bị quỷ dữ lừa làm vợ và thực chất để ăn thịt. Cô được chàng trai trong lột chồn và thần linh cứu giúp. Sau này, cô và chàng chồn thành vợ chồng sống hạnh phúc nhưng trai làng ganh ghét, giết hại chàng chồn. Cô buồn tủi và tự thiêu, khi chết hoá thành trái cà (*Quỷ Nai và chàng trai chồn*).

CHƯƠNG III

MỘT SỐ VĂN BẢN TƯ LIỆU TRUYỆN KỂ MẠ

Trong phần văn bản tư liệu truyện kể được sưu tầm này, bước đầu, chúng tôi xếp theo thứ tự thể loại, nội dung qua ba dạng loại, thể thức sau: Chuyện thần thoại hay truyền thuyết có đề cập về sự hình thành, sáng tạo thế giới; chuyện cổ tích mà tên chuyện nhắc đến nhân vật chính hay chuyện về con người nhân vật và các chuyện khác về loài vật... Quả là trong truyện kể Mạ có tính phức hợp của chúng qua cách thể hiện, qua nội dung. Xếp vào truyện kể Mạ một cách rạch ròi đối với chúng tôi là ngoài khả năng. Vì vậy, chủ đích của phần này là để tham khảo. Một số văn bản được chúng tôi sưu tầm với hình thức người kể và phiên dịch trực tiếp để ghi chép, biên tập. Đồng thời, chúng tôi có một số văn bản chép tay phiên ngữ bằng tiếng dân tộc để sau đó thực hiện việc biên tập. Trong bản tham khảo này, chủ yếu là nội dung những văn bản truyện kể đã được biên tập. Chúng tôi tạm đánh số thứ tự từ nhỏ đến lớn tất cả văn bản truyện kể để dễ tham khảo.

I. NHÓM CHUYỆN THẦN THOẠI

1. THẦN K'BOONG LÀM NÊN TRÁI ĐẤT

Lúc đó, xa xưa lắm, mặt đất còn hoang vu chưa có người ở. Đây đó rải rác những tảng đá bị sét đánh, những tảng đá ong có nhiều hình thù kỳ dị. Lúc đó, thần K'Boong đi tìm bên kia trái đất, về phía tối tăm của mặt trời bị che lấp để đem về những dấu hiệu đầu tiên của sự sống. Thần K'Boong lấy về được một trái bầu, một chiếc gùi nhỏ, một chiếc gùi lớn và một chiếc gùi dài.

K'Boong vuốt ve đất lấy ra một con lươn, rồi lại đào đất lấy ra một con rắn, rồi lại nhào nặn đất nắn ra con trùn. Rồi K'Boong sai con lươn sắp lại các ao, đầm; con trùn dũi mềm đất rồi tạo ra con heo rừng đào đất và làm nổi lên những núi đồi đây đó. Lúc này cả bầu trời cũng còn đè lên trên những ngọn núi, cái đồi như dính lại nhau. Vì vậy, trời đất cũng còn bị bóng tối che lại. Rồi thần khổng lồ I - út xuất hiện để ngăn trời và đất riêng ra không cho họ gần nhau nữa. Một con gà khổng lồ dùng cựa xé đồi núi ra thành thung lũng nhỏ. Con rắn khổng lồ NaK Grai xuất hiện ở dưới đất làm thành dòng thác nước chảy trên đất.

Rồi K'Boong lại mang theo lại mang về chiếc gùi lớn đựng hạt cây, một gùi nhỏ đựng hạt dây leo, và một vò nhỏ đựng những hạt cỏ, một cái giỏ có trang trí đựng chỉ bằng đồng và những hạt ngọc đẹp lắm. Thần K'Boong lại khiến cho cá theo nước mà đến, nước tràn tới đâu cá theo tới đó,

nước càng nhiều thì tự nhiên sinh thêm nhiều loại cá. Rồi K'Boong lại mang về những con khi biết la, những con khi biết hát, những con người biết nói, những con trăn bò không có tiếng động, những con chim K'ling với bộ cánh lông xinh đẹp, những con chim R'lang với mũ trắng. Rồi K'Boong với tổ tiên của con người rải những cây chuối khắp đó đây cho nó mọc thành rừng, thành bụi, rải những hạt bắp ven bờ sông, rải những hạt cây ốt. Bây giờ thần N'duu, con người cô độc đã gieo hạt lúa cho lãnh thổ các thần linh. Bà chúa lúa (Duh Yang Koi) xuất hiện dưới lớp chim Siim Têk có lông vàng tươi và chim Siim Tiik có lông màu đỏ thắm. Chim Siim Têk đậu trên cây Jiir, chim Siim Tiik đậu ở dây leo Klac. Phân của chúng rơi xuống đất mọc thành lúa, rồi con người gieo một hạt gặt về trăm hạt. Bà thần lúa ở lại xứ sở này, nơi có mặt trời rực rỡ sưởi nóng hạt lúa, nơi mà mưa làm tươi mát cây cối, dâng nước ngập ao, đầm, sông suối.

Còn thần K'Boong trước khi về nơi ở của mình bèn sai các con là Doot, Doi và cô nàng K'Yêc trẻ trung phân chia rừng cây bằng cách thả cây cối trôi đến hạ lưu các sông mà ở đó, khổng lồ I-ut đã đập đập bắt cá. Rồi sau đó không lâu, cây cối sinh sôi nảy nở mọc bao trùm lên đất đai của xứ người Mạ, lên dần tới các đỉnh núi cao.

2. CHUYỆN VỀ LỬA

Buổi ban đầu, thần linh rất thương con người. Thấy con người khổ sở trong cách sống nên nhiều thần linh đã hiện ra dạy cho con người nhiều điều. Thần linh đã dạy con người ăn rừng bằng lửa và sắt. Thần Rdeon con của thần Mặt trời dạy cho họ cách giữ lửa của Mặt trời bằng cách lấy lửa ở đá và sơ của vỏ cây, dạy họ dọn sạch khu rừng để gieo hạt lúa, hạt bắp và phải nuôi Mẹ lúa và giữ Mẹ lúa ở lại với người Châu Mạ.

Người không lồ I - ut thổi hơi sống vào đá, thần Nduu làm cho vỏ cây khô có cảm giác, và các thần linh dạy cho con người biết suy nghĩ, hiểu biết. Lửa đã có, nếu thiếu ăn thì trồng cây tre cho nó, trồng cây lau cho nó, phải dọn rừng, chặt cây cho lửa ăn. Phải cho lửa ăn cả rừng thưa và đồng cỏ lớn. Lửa làm cho những con mối trong đất cọ quậy, làm nứt các phiến đá, làm nứt các ché trong nhà sàn.

3. SỰ TÍCH VỀ TỔ TIÊN CÁC DÒNG HỌ

Sau khi sinh ra mọi vật và những con người đầu tiên, một số ông tổ của nhiều dòng họ được sinh ra. Từ các bụi cây rải rác tổ Paang Kha chui ra, tổ Paang Khem chui ra. Rồi trong thưở ban đầu chung sống với nhau, các tổ Paang lấy làm vợ chồng giữa các anh em trai và chị em gái. Sự sống chung chạ của các cặp vợ chồng của các tổ ấy đã đã làm Biit và Rling chui ra. Rồi những nhánh người khác do thần K'Boong sinh ra như Doot và Doi. Họ giao hợp với nhau rồi sinh ra nhiều con cái. Cũng như thác và sông, anh trai và em gái lấy nhau. Paang Riing và em gái là Nham kết hợp thành vợ chồng. Từ các tổ này mà con người lại sinh thêm nhiều ra, ở khắp các mặt đất.

4. SỰ TÍCH VỀ NẠN MƯA LỤT

Thời mới có loài người, có một cô gái xinh đẹp đã đem phơi lúa trước khi cho vào cối giã. Nhưng trời có nhiều mây nên lúa vẫn bị ẩm vì không có một chút nắng nào cả. Cô gái vẫn cứ chờ cho mặt trời xuất hiện, cho ánh nắng nhưng mặt trời cứ ẩn núp trong các đám mây. Chờ lâu quá làm cô gái bức mình. Cô gái bèn cởi cái váy của mình ra, rồi nằm ngửa đưa âm hộ cho lên cho mặt trời để khiêu khích mặt trời cho ánh nắng chiếu vào. Thần linh thấy cô gái làm thế là hổn nên đã trừng phạt. Sự trừng phạt đã tới liền. Một trận hạn hán kéo dài 7 năm liền xảy ra và sau đó là một cơn mưa to lớn kéo dài 7 năm liền.

Biển từ phía mặt trời mọc dâng nước lên cùng với nước suối, nước sông cứ thế mỗi ngày dâng lên tới tận đầu gối, tới miệng con người. Mọi người làm bè mãng bằng cây cối cột chặt lại bằng dây rừng, và con người, loài vật tranh nhau lên bè. Cọp, heo, trâu, voi, tê giác, rắn, trăn, phù thủy và các loài vật khác chỉ trừ có con vịt bị bỏ quên nên vẫn bơi theo bè mãng, nó cũng gà mái trên lưng.

Trận mưa lụt ấy làm các bè mãng trôi giạt bốn phía, tản mạn khắp nơi. Nước biển ngày càng dâng cao, đến đôi gần sát các vì sao nên một con cá nhảy lên đớp vì sao mà bị mắc dính vào đó. Rồi cơn thịnh nộ của thần linh cũng qua, nước rút dần về biển như khi chũn. Các nhóm ngxảy ra mưa. Người Châu Mạ do bè mãng phân tán tứ tung nên khi nước rút đọng đất, đọng núi ở đâu thì ở đó.

5. SỰ TÍCH VỀ TỤC CÀ RĂNG

Thần K'Boong làm việc nhiều và đã bắt đầu cảm thấy mình cần phải để cho thần N'duu và các thần khác cùng làm việc. Những việc thần K'Boong làm từ đầu khi làm nên trái đất và các việc khác đã xong. Thần K'Boong mời thần N'duu và các thần linh khác ăn một bữa tiệc lớn cùng với mình và tổ tiên để mừng trái đất mới được nặn ra.

Thần K'Boong dặn những con người đầu tiên được sinh ra phải nghe lời các thần linh. Các thần linh được gọi là Yang. Tất cả mọi công việc ở dưới đất do con người đều do các thần linh nắm. Nên làm việc gì, con người phải cầu xin, khẩn các thần linh để thần linh chỉ bảo, mách cho cách làm. Những con người đầu tiên và sau này phải tôn trọng thần N'duu và các Yang khác. Thần N'duu là thần cao nhất điều khiển các vị thần linh khác. Con người phải các thần linh khác trong các lễ cúng khi ăn uống để thần linh dự và chú ý đến công việc của con người.

Nghe lời Thần K'Boong, những con người đầu tiên đã mở lễ tế thần linh. Con người đã giết một người trong dòng họ mình để lấy thịt dâng lên cho thần linh vì họ quan niệm thịt con người là cái quý nhất mà họ có để làm vừa lòng thần linh. Nhưng thần N'duu bảo K'Yôt đi bảo cho những người đầu tiên biết là không nên giết người cúng thần linh mà phải giết trâu thay thế con người. Nhưng trong một bữa tiệc có lẫn thịt người và thịt trâu, một vài người dự tiệc ăn nhầm phải thịt người nên bị trở thành những người ruột